

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

NGỮ VĂN

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 8

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CTGDPT	Chương trình Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KHBD	Kế hoạch bài dạy
NXBGDVN	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
SGK	Sách giáo khoa
SGV	Sách giáo viên
VB	Văn bản

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn và mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với học sinh lớp 8	5
2. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn <i>Ngữ văn 8</i>	14
3. Những điểm mới nổi bật của sách giáo khoa môn <i>Ngữ văn 8</i>	15
4. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học/ chủ điểm	21
5. Phân phối chương trình <i>Ngữ văn 8</i>	32
6. Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	42
7. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	42
8. Một số lưu ý khi lập kế hoạch bài dạy môn Ngữ văn.....	42
PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ KIỂU BÀI	46
1. Đặc điểm bài học.....	46
2. Kết cấu bài học và phân bố số tiết.....	47
3. Phương pháp và phương tiện dạy học	48
4. Tổ chức các hoạt động dạy học	49
PHẦN BA: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ SÁCH BỔ TRỢ	70
1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên.....	70
2. Hướng dẫn sử dụng sách bài tập	71

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN VÀ MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐỐI VỚI HỌC SINH LỚP 8

1.1. Đặc điểm và quan điểm xây dựng chương trình Ngữ văn

1. *Tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong CTGDPT (Chương trình Giáo dục phổ thông) tổng thể*, gồm: i) Định hướng chung cho tất cả các môn học; ii) Định hướng xây dựng chương trình môn Ngữ văn ở cả hai giai đoạn. Quan điểm này giúp cho việc xây dựng chương trình môn học Ngữ văn thống nhất với chương trình tổng thể, nhất quán với chương trình các môn học khác.

2. *Dựa trên các cơ sở khoa học*: kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Ngữ văn hiện đại; thành tựu nghiên cứu về văn học, ngôn ngữ học; thành tựu văn học Việt Nam; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngữ văn của Việt Nam và cập nhật xu thế quốc tế trong phát triển chương trình nói chung, chương trình môn Ngữ văn nói riêng; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam.

3. *Lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học*: Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về văn học và tiếng Việt được tích hợp vào hoạt động dạy đọc, viết, nói và nghe. Quan điểm này vừa bảo đảm tính chất thống nhất trong toàn chương trình, vừa giúp cho việc tích hợp tốt hơn, thể hiện rõ đặc điểm của chương trình phát triển năng lực, việc trang bị kiến thức phải hướng đến mục tiêu giáo dục là phát triển năng lực.

4. *Xây dựng theo hướng mở*: Tính chất mở của chương trình được thể hiện ở những điểm quan trọng sau đây:

– Không quy định chi tiết về nội dung dạy học, nhất là các VB (văn bản) cụ thể mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số VB có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc và thế giới. Đây là nội dung thống nhất, bắt buộc đối với HS (học sinh) toàn quốc.

– Những VB khác được chương trình nêu lên trong phần cuối VB chỉ là sự gợi ý về ngữ liệu, minh hoạ về thể loại, kiểu loại VB.

– Tác giả SGK (sách giáo khoa) căn cứ vào các yêu cầu bắt buộc của chương trình, chủ động, sáng tạo trong việc triển khai các nội dung dạy học cụ thể theo yêu cầu phát triển chương trình.

– GV (giáo viên) được lựa chọn SGK, sử dụng một hay kết hợp nhiều sách, nhiều nguồn tư liệu khác nhau để dạy học trên cơ sở bám sát mục tiêu và đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Bên cạnh đó, yêu cầu việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối cấp không dựa vào các ngữ liệu đã học trong một cuốn SGK Ngữ văn cụ thể mà lấy yêu cầu cần đạt nêu trong VB chương trình môn học làm căn cứ để biên soạn để kiểm tra, đánh giá.

5. Đáp ứng yêu cầu kế thừa và đổi mới, phát triển: Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của các chương trình môn Ngữ văn đã có, đặc biệt là chương trình hiện hành.

1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với học sinh lớp 8

Chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ đã hình thành ở cấp Tiểu học. Thông qua những kiến thức và kỹ năng ngữ văn phổ thông cơ bản, chương trình giúp HS tiếp tục học lên Trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia lao động. Kết thúc cấp Trung học cơ sở, HS biết đọc hiểu dựa trên kiến thức đầy đủ hơn, sâu hơn về Văn học và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân; biết viết các kiểu loại VB (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; nói rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả.

Dưới đây là bảng thống kê các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói – nghe mà chương trình đã đề ra đối với HS lớp 8:

Bảng 1. Thống kê các yêu cầu cần đạt về đọc

	Đọc hiểu hình thức	Đọc hiểu nội dung	Liên hệ, so sánh, kết nối
Văn bản văn học	– Nhận biết và phân tích được vai trò của tượng tượng trong tiếp nhận VB văn học. – Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười, truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. – Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.	– Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.	– Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.

	– Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. – Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. – Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.	– Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. – Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.	– Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học. – Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
Văn bản nghị luận	Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.	– Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB. – Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.	Liên hệ được nội dung nêu trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại.

Văn bản thông tin	– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của một số kiểu VB thông tin: VB giải thích một hiện tượng tự nhiên; VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. – Nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong VB như: theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.	– Phân tích được thông tin cơ bản của VB. – Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.	– Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại. – Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể.
-------------------	--	---	--

Bảng 2. Thống kê các yêu cầu cần đạt về viết

Quy trình viết	Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
Thực hành viết	– Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong VB. – Bước đầu biết làm một bài thơ tự do (sáu chữ, bảy chữ). Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. – Viết được VB nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. – Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. – Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. – Viết được VB kiến nghị về một vấn đề đời sống

Bảng 3. Thống kê các yêu cầu cần đạt về nói – nghe

Nói	– Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày). – Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo lựa chọn cá nhân): cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
Nghe	– Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. – Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
Nói – nghe tương tác	Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

1.3. Nội dung giáo dục

HS lớp 8 được học những kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học sau:

1.3.1. Kiến thức tiếng Việt

- Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng.
- Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.
- Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng.
- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: *vô, hữu*) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: *vô tư, vô hình, hữu quan, hữu hạn*).
- Trợ từ, thán từ: đặc điểm và chức năng.
- Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng.
- Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định: đặc điểm và chức năng.
- Biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng.
- Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu. -
- Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng.
- Kiểu văn bản và thể loại:
 - + Văn bản tự sự: bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội.
 - + Văn bản biểu cảm: thơ sáu chữ, bảy chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài tự do.
 - + Văn bản nghị luận: luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; bài thảo luận về một vấn đề của đời sống; bài phân tích một tác phẩm văn học.

+ Văn bản thông tin: thông tin khách quan, ý kiến chủ quan và mục đích của văn bản; văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; bài giới thiệu một cuốn sách; văn bản kiến nghị.

- Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị.
- Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị.
- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

1.3.2. Kiến thức văn học

- Tưởng tượng trong tác phẩm văn học.
- Nhan đề và cách đặt nhan đề văn bản.
- Đề tài và chủ đề, cách xác định chủ đề; kết cấu.
- Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện cười, truyện lịch sử.
- Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Các thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.
- Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.
- Một số yếu tố hình thức của một bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.
- Xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong kịch bản văn học (hài kịch).
- Một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ: số lượng câu, chữ, vần, nhịp.
- Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học.
- Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

1.4. Một số lưu ý về phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Ngữ văn

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học đã được trình bày khá kĩ trong SGK (*sách giáo viên*) *Ngữ văn 6*, *Tài liệu tập huấn GV Ngữ văn 6*, *SGV Ngữ văn 7*, *Tài liệu bồi dưỡng GV môn Ngữ văn lớp 7*. Trong tài liệu này, chúng tôi nhấn mạnh một số nguyên tắc, phương pháp, kĩ thuật dạy học, cách tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù và phẩm chất cho HS trong môn Ngữ văn.

Mục tiêu dạy học của môn Ngữ văn trong chương trình mới là phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ (gồm bốn kĩ năng: đọc, viết, nói – nghe), năng lực văn học và các năng lực chung (tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo). Mà năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Thông qua hành động, giải quyết vấn đề, HS hình thành phẩm chất. Vì thế, khi thực hiện chương trình mới, GV cần:

- Bám sát vào các yêu cầu cần đạt/ mục tiêu dạy học để tổ chức hoạt động dạy học.
- Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm: đọc VB, quan sát mẫu, trả lời câu hỏi, diễn kịch, thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, vẽ tranh,... từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân, học cách tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ, học kĩ năng giao tiếp (nói, nghe, tương tác), kĩ năng hợp tác, giải quyết vấn đề,...
- Dạy đọc: dạy HS nhận biết đặc điểm theo thể loại – các đặc điểm hình thức nghệ thuật, qua đó, HS: (1) hiểu nội dung VB; (2) biết cách đọc các VB khác cùng thể loại.
- Dạy tiếng Việt: dùng cách quy nạp hoặc diễn dịch kết hợp với phương pháp thảo luận nhóm, kĩ thuật sử dụng câu hỏi, trò chơi,... để hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu, từ đó hiểu được khái niệm tiếng Việt; đồng thời tổ chức cho HS thực hành từ dễ đến khó: phân tích ngữ liệu có sẵn, tự viết câu, viết đoạn,...
- Dạy viết: hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu tham khảo để nắm vững yêu cầu đối với kiểu bài, sau đó hướng dẫn HS vận dụng lí thuyết vào thực hành từng bước trong suốt bốn bước của quy trình viết.
- Dạy nói – nghe: gắn với đề bài cụ thể, hướng dẫn HS thực hành từng bước trong suốt quy trình nói, từ đó, giúp HS nhận ra đặc điểm của kiểu bài nói, hình thành kĩ năng nói.
- Tổ chức cho HS suy ngẫm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, từ đó điều chỉnh nhận thức của bản thân thông qua việc dùng bảng kiểm (bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm, bảng kiểm kĩ năng viết, bảng kiểm kĩ năng nói – nghe,...). Tuy nhiên, GV không nên lạm dụng dùng quá nhiều bảng kiểm trong một bài học vì sẽ lãng phí thời gian.
- Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để giúp HS từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra.
- Tạo môi trường thân thiện để HS hăng hái tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo.
- Mỗi hoạt động học tập phải được thiết kế cụ thể, rõ ràng, thể hiện được các yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học.
- Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là mục tiêu của từng bài học, từng hoạt động, nội dung bài học, đối tượng HS, số tiết, điều kiện cơ sở vật chất và sở trường của GV.
- Bên cạnh các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học mà GV thường sử dụng như diễn giảng, dạy học hợp tác, câu hỏi,..., GV cần tăng cường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật như:
 - + Làm mẫu kĩ năng đọc, kĩ năng viết và nói – nghe bằng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud).

+ Hướng dẫn HS kết hợp viết trong quá trình đọc: điền vào phiếu học tập, ghi vào giấy (stick-note) những suy nghĩ, cảm xúc trong quá trình đọc, viết đoạn văn về VB sau khi đọc xong, viết nhật kí đọc sách để thảo luận trong giờ đọc hiểu VB.

+ Hướng dẫn HS kết hợp đọc trong giờ dạy viết: đọc, quan sát ngữ liệu tham khảo, để hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài thông qua ngữ liệu cụ thể, đọc, thu thập tài liệu tham khảo cho bài viết.

– Tổ chức cho HS đóng vai: (1) đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm; (2) mời một HS đóng vai nhân vật hoặc tác giả, các HS khác nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả. Hoạt động này tạo cho HS cơ hội đặt mình vào hoàn cảnh của nhân vật để hiểu cảm xúc, suy nghĩ, hành động của nhân vật hoặc hình dung mình là tác giả để hiểu vì sao tác giả viết như thế này mà không phải là như thế khác; (3) hình dung mình là người đọc để đọc lại bài viết của mình từ vai trò của người đọc, qua đó, nhận ra những điều mà người đọc mong muốn từ người viết, bài viết; (4) đóng vai các nhân vật (người nghe, người nói) trong một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể để trải nghiệm.

– Tổ chức cho HS thuyết trình về một vấn đề nào đó của VB hoặc một vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên.

– Tổ chức, hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin để trình bày sản phẩm; sử dụng Internet để tìm kiếm, phân tích thông tin, tương tác với nhau thông qua việc nhận xét về sản phẩm của bạn/ nhóm bạn và phản hồi ý kiến của bạn/ nhóm bạn.

1.5. Một số lưu ý về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn

Mục đích quan trọng nhất của kiểm tra, đánh giá là giúp HS nhận biết mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra cho HS lớp 8, từ đó, GV, phụ huynh có biện pháp giúp HS tiến bộ và HS cũng tự điều chỉnh việc học của bản thân. Mục đích thứ hai là GV tự điều chỉnh phương pháp, cách thức dạy học sao cho giúp tất cả HS trong lớp đạt được yêu cầu cần đạt.

Căn cứ để thiết kế các đề kiểm tra, đánh giá định kì và thường xuyên năng lực của HS là các yêu cầu cần đạt về năng lực chung (được quy định trong CTGDPT tổng thể) và năng lực đặc thù gồm các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe (được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018).

Về đánh giá thường xuyên: cần chú trọng đánh giá thường xuyên quá trình học tập của HS thông qua tất cả các sản phẩm do HS tạo ra: các câu trả lời, các phiếu học tập, các ghi chép, bản nháp các bài viết, dàn ý, các thông tin mà HS tìm được, các sản phẩm nhóm,... Nếu như trong quá trình học, GV không giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt/ mục tiêu đã đề ra cho từng bài học thì chắc chắn bài kiểm tra cuối kì của HS sẽ không thể có kết quả tốt.

Về đánh giá định kì, cuối kì: có thể kết hợp sử dụng trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận. Tuy nhiên, chỉ nên sử dụng trắc nghiệm khách quan khi kiểm tra loại kiến thức về sự kiện, khái niệm (ví dụ: Bố cục VB, tên các biện pháp nghệ thuật, khái niệm chủ đề, cảm hứng chủ đạo) và kiểm tra ở mức độ tư duy cấp thấp như nhận biết, xác định thông tin, ví dụ:

Trong đoạn thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Không nên dùng trắc nghiệm khách quan để đo lường các khả năng hiểu, đánh giá và chiêm nghiệm của HS về VB. Ví dụ như với yêu cầu HS “nhận xét/ đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó” thì đầu các phương án được thiết kế tốt đến đâu cũng chỉ là “nói hộ” cảm nghĩ của HS (đó là chưa kể có những HS không có những cảm nhận như trên nhưng vẫn lựa chọn phương án có sẵn). Câu hỏi trắc nghiệm không thể đánh giá được cách HS suy nghĩ, cách HS tư duy và giải quyết nhiệm vụ được nêu lên trong câu hỏi. Điều này ảnh hưởng đến một trong các nguyên tắc mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 nêu ra là “phải bảo đảm nguyên tắc HS *được bộc lộ, thể hiện (...) những suy nghĩ và tình cảm của chính HS, không vay mượn, sao chép*” (trang 85).

Yêu cầu cần đạt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 có sự đa dạng và phù hợp với năng lực người học ở các độ tuổi và khối lớp. Các quy định về kiểm tra, đánh giá cũng đặt ra yêu cầu về “vận dụng kiến thức đã học vào bối cảnh và ngữ liệu mới”, “gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe (Công văn 3175). Như vậy, chương trình nhấn mạnh đến việc cần chú ý đánh giá mức độ vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo của người học. Trong đó, các mức độ phân tích, đánh giá và sáng tạo có thể được xếp vào mức độ tư duy bậc cao (Arthur Lewis và David Smith, 1993). Việc đặt câu hỏi phù hợp với các mức độ nói trên cho phép GV kiểm chứng sự tiếp thu kiến thức hiệu quả, khả năng kết nối kiến thức với nhau và thật sự hiểu bản chất của vấn đề, chứ không chỉ học thuộc lòng ở HS. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh này, câu hỏi trắc nghiệm sẽ có những giới hạn nhất định. Ví dụ với yêu cầu: “Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học; thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do” (CTGDPT môn Ngữ văn 2018, trang 46) thì không có phương án trả lời nào của câu hỏi trắc nghiệm có thể đo lường được *những trải nghiệm của người học* cũng như những lí do người học đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả. CTGDPT môn Ngữ văn 2018 nêu rõ: “Dù

đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy logic, những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo” (trang 87). Vì thế, khi thiết kế để kiểm tra năng lực của HS, GV cần lưu ý:

- Một là, không lạm dụng trắc nghiệm khách quan vì khó dùng trắc nghiệm khách quan để đo lường khả năng hiểu, đánh giá và chiêm nghiệm về VB của HS.

- Hai là, hạn chế tối đa nhược điểm của câu hỏi trắc nghiệm ở giai đoạn biên soạn câu hỏi bằng cách tạo ngân hàng câu hỏi và quy ước độ khó của câu hỏi dựa theo yêu cầu cần đạt trong chương trình. Khi xây dựng đề thi có phần trắc nghiệm, trường/ tổ chuyên môn lập ma trận, thống nhất số lượng câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi. GV căn cứ vào nội dung dạy học, yêu cầu cần đạt và năng lực HS để tự lựa chọn câu hỏi và xây dựng đề thi. GV cũng cần am tường kỹ thuật viết câu hỏi trắc nghiệm.

- Ba là, GV cần phân tích kết quả bài kiểm tra, bài thi trắc nghiệm của người học (có thể sử dụng các phần mềm như Quest, Conquest) để đánh giá lại câu hỏi trắc nghiệm và kết quả, từ đó có sự điều chỉnh (nếu cần thiết). Việc đánh giá này là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong môn Ngữ văn nói chung, kỹ năng đọc hiểu VB nói riêng.

2. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA MÔN NGỮ VĂN 8

Tiếp nối sách *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, sách *Ngữ văn 8* được biên soạn dựa trên các quan điểm:

- Quan điểm tích hợp, thể hiện ở nhiều cấp độ: tích hợp thể loại và chủ đề, tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy đọc hiểu VB với dạy tiếng Việt; tích hợp viết và tiếng Việt.

- Quan điểm học thông qua trải nghiệm và kiến tạo tri thức.

- Các quan điểm hiện đại về đọc, viết, nói và nghe, đó là: đọc, viết, nói – nghe là quá trình tương tác giữa người đọc và VB, người viết, người nói với người đọc, người nghe; đọc không chỉ là sự giải mã VB mà còn kiến tạo nghĩa cho VB; viết là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm; hoạt động viết, nói và nghe thể hiện sự hiểu biết của người viết, người nói về đối tượng người đọc, người nghe, về các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp.

Bên cạnh đó, ở SGK *Ngữ văn 8*, nhóm tác giả đã học hỏi những điểm tích cực ở SGK của các nước (thiết kế nhiệm vụ học tập dựa trên yêu cầu cần đạt, thiết kế các điểm học tập gắn với đặc điểm tâm lý, lứa tuổi của HS,...) cũng như kế thừa những điểm tích cực của *Ngữ văn 8* hiện hành (tích hợp đọc với tiếng Việt, đọc hiểu theo thể loại; sử dụng lại các VB có giá trị).

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA SÁCH GIÁO KHOA MÔN NGỮ VĂN 8

So với SGK hiện hành, SGK *Ngữ văn 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* có nhiều điểm mới về yêu cầu cần đạt, tính tích hợp, nội dung dạy học theo chủ điểm, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

3.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của từng bài học trong SGK được thiết kế dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT 2018 tổng thể và CTGDPT môn *Ngữ văn 2018* đã đề ra đối với HS lớp 8 để giúp GV và HS định hướng kết quả mà HS cần đạt sau khi học xong bài học, trên cơ sở đó, xác định các phương pháp dạy và học phù hợp.

3.2. Cách tiếp cận tích hợp

Tích hợp các VB đọc theo chủ điểm và thể loại nhằm mục đích giúp HS không chỉ học về thể loại mà còn học cách nhận biết thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân (xem bảng thống kê dưới đây):

Bảng 4. Các bài học và thể loại văn bản

Tập một		Tập hai	
<i>Những gương mặt thân yêu</i>	THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ	<i>Tình yêu Tổ quốc</i>	THƠ THẤT NGÔN BẤT CÚ VÀ TỨ TUYỆT LUẬT ĐƯỜNG
<i>Những bí ẩn của thế giới tự nhiên</i>	VB THÔNG TIN	<i>Yêu thương và hi vọng</i>	TRUYỆN
<i>Sự sống thiêng liêng</i>	VB NGHỊ LUẬN	<i>Cánh cửa mở ra thế giới</i>	VB THÔNG TIN
<i>Sắc thái của tiếng cười</i>	TRUYỆN CƯỜI	<i>Âm vang của lịch sử</i>	TRUYỆN LỊCH SỬ
<i>Những tình huống khôi hài</i>	HÀI KỊCH	<i>Cười mình, cười người</i>	THƠ TRÀO PHÚNG

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thể hiện ở tất cả các bài học ở những mức độ khác nhau. Ví dụ như ở bài học *Cánh cửa mở ra thế giới* (tập hai), HS học đọc hiểu, viết, nói và nghe về kiểu VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim:

BÀI 8: CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI (VĂN BẢN THÔNG TIN)44**ĐỌC.....45**

Chuyến du hành về tuổi thơ (Theo Trần Mạnh Cường)46

"Mẹ vắng nhà" – Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh (Lê Hồng Lâm) ...49

Tình yêu sách (Trần Hoài Dương)52

Thực hành tiếng Việt53

"Tốt-tô-chan bên cửa sổ": Khi trẻ con lớn lên trong tình thương (Theo Phạm Ngo)..... 55

VIẾT.....58

Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích58

NÓI VÀ NGHE62

Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách62

ÔN TẬP.....65

Khi đọc hiểu các VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, HS không chỉ được học nội dung mà còn được học về đặc điểm thể loại và có thể dùng những hiểu biết đó vào việc viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích và trình bày, giới thiệu về một cuốn sách.

Tích hợp đọc và tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức tiếng Việt đưa vào bài học phụ thuộc vào việc VB đọc có chứa tri thức tiếng Việt đó hay không, nhằm giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Ví dụ 1: VB thơ thường sử dụng các từ tượng thanh, từ tượng hình, vì thế, tri thức tiếng Việt mà HS được học trong bài về VB thơ là *Từ tượng hình, từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng* (bài 1).

Ví dụ 2: VB giải thích về hiện tượng tự nhiên thường có cách trình bày thông tin đa dạng và các kiểu đoạn văn (bài 2). Vì thế ở bài này, HS được học về *Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu* (tiếp nối cách trình bày thông tin theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng mà HS đã học ở lớp 7) và *Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng*.

3.3. Các tri thức nền trong sách giáo khoa

Các tri thức (bao gồm kiến thức, kỹ năng) trong Ngữ văn 8 được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 8 mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra. Các tri thức đó được trình bày ngắn gọn trong mục *Tri thức Ngữ văn*, gồm các tri thức đọc hiểu và tri thức tiếng Việt. Tri thức đọc hiểu là những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại nằm ngoài chương trình (xem bảng sau):

Bảng 5. Tri thức đọc hiểu văn bản trong các bài học

Tri thức đọc hiểu	Bài học
– Thơ sáu chữ, bảy chữ – Văn – Bố cục của bài thơ – Mạch cảm xúc của bài thơ – Cảm hứng chủ đạo – Vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học	Bài 1
VB thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên	Bài 2
– Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận – Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận	Bài 3
Truyện cười	Bài 4
– HÀi kịch – Căn cứ để xác định chủ đề	Bài 5
Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường	Bài 6
– Một số đặc điểm của VB truyện – Tư tưởng của tác phẩm văn học	Bài 7
VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim	Bài 8
Truyện lịch sử	Bài 9
Thơ trào phúng	Bài 10

Tri thức về tiếng Việt là những tri thức mà chương trình yêu cầu, gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB, mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn (xem bảng sau):

Bảng 6. Tri thức tiếng Việt trong các bài học

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Từ tượng hình, từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng	Bài 1
– Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu – Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng	Bài 2

Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt	Bài 3
– Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu – Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị	Bài 4
Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ	Bài 5
– Đảo ngữ: đặc điểm và tác dụng – Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng	Bài 6
Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị	Bài 7
Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng	Bài 8
– Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến – Câu khẳng định, câu phủ định	Bài 9
Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ	Bài 10

Tri thức về kiểu bài viết, gồm: định nghĩa về kiểu bài, các đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài (được đóng khung). Đây là những tri thức để HS không chỉ hiểu được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với đặc điểm kiểu bài (xem bảng sau):

Bảng 7. Các kiểu bài viết trong các bài học

Thể loại	Kiểu bài	Bài học
Biểu cảm	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do	Bài 1
Tự sự	Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội	Bài 4, bài 6
	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	Bài 9
Nghị luận	Viết VB nghị luận về một vấn đề của đời sống	Bài 3
	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện)	Bài 7
	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ)	Bài 10
Sáng tác	Làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	Bài 1

VB Thông tin	Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	Bài 2
	Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích	Bài 8
	Viết VB kiến nghị về một vấn đề của đời sống	Bài 5

Tri thức về kiểu bài còn được thể hiện thông qua VB tham khảo. VB này được hiểu như là một mô hình trực quan. Ở đó hội đủ những đặc điểm chính về nội dung lẫn hình thức của kiểu VB mà HS cần tạo lập, đồng thời vừa tầm với HS, giúp HS nhận thấy là mình có thể học và tạo lập được VB tương tự về kiểu bài với những đề tài khác nhau. Chúc năng của VB tham khảo là để HS học cách làm chứ không phải là mẫu để sao chép nội dung. Điều này hoàn toàn khác với việc GV cho bài mẫu, HS chép văn mẫu và cũng khác với việc chọn một VB do các nhà nghiên cứu, nhà phê bình chuyên nghiệp viết làm mô hình trực quan để HS học theo. Bởi vì, đặc điểm quan trọng của việc học theo mẫu là HS chỉ có thể học theo những mẫu không quá cao, không quá khó với các em.

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm: (1) cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể; (2) kỹ năng giao tiếp nói chung, gồm kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đó là những kỹ năng giao tiếp mà HS có thể sử dụng trong các tình huống đa dạng của cuộc sống.

3.4. Các nhiệm vụ học tập

Các nhiệm vụ học tập trong SGK *Ngữ văn 8* có những đặc điểm sau:

- Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn các em từng bước kiến tạo tri thức, không cung cấp kiến thức có sẵn cũng không “mớm” kiến thức cho HS.
- Bám sát các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.
- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lý của HS lớp 8.
- Tiếp nối và nâng cao những kỹ năng HS đã được học ở lớp 7.

3.4.1. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc, hướng dẫn HS hoàn thành yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.
- Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kỹ năng đọc theo kiểu loại VB đã được xác định trong chương trình.

– Được thiết kế theo ba giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Chuẩn bị đọc*, *Trải nghiệm cùng VB* và *Suy ngẫm và phản hồi*.

Chức năng của nhóm câu Chuẩn bị đọc là:

- (1) Tạo tâm thế, hứng thú cho HS.
- (2) Khơi gợi kiến thức nền của HS, giúp HS sử dụng kiến thức nền để tham gia vào VB.
- (3) Phát triển kĩ năng đọc lướt để cảm nhận bước đầu về nội dung VB, kĩ năng dự đoán về nội dung có thể có của VB.

Chức năng của nhóm câu Trải nghiệm cùng VB là:

- (1) Hướng dẫn HS thực hiện các kĩ năng đọc, đó là: liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, dự đoán,... (tham khảo *Bảng Phụ lục kĩ năng đọc* trong SGK *Ngữ văn 6*, tập một).
- (2) HS đọc chậm, đôi lúc tạm dừng để suy ngẫm về một số chi tiết quan trọng trong VB, từ đó, tự kiểm soát việc hiểu của mình.
- (3) Kích hoạt, huy động kiến thức nền của HS vào việc hiểu VB.
- (4) Giúp HS đọc hiểu các yếu tố bộ phận của VB, chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho việc hiểu chỉnh thể VB sau khi đọc.

Chức năng của nhóm câu Suy ngẫm và phản hồi là:

- (1) Hướng dẫn HS nhận biết các chi tiết trên bề mặt VB: từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật, sau đó, giải mã, tạo nghĩa cho các chi tiết đó cũng như tác dụng của các chi tiết nghệ thuật.
- (2) Giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa các chi tiết trong tính chỉnh thể của VB, vai trò của các thành tố trong VB đối với việc thể hiện chủ điểm VB.
- (3) Hướng dẫn HS liên hệ những gì đã đọc với kinh nghiệm và kiến thức nền của chính các em, liên hệ với các VB khác và với cuộc sống để từ đó, không chỉ hiểu VB mà còn hiểu những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên; hiểu bản thân, rút ra được bài học cho bản thân.
- (4) Tiếp tục hình thành và phát triển các kĩ năng đọc hiểu VB: dự đoán, kiểm soát cách hiểu của mình khi đối chiếu với những dự đoán trước đó, suy luận, tưởng tượng, phân tích, đánh giá, liên hệ,...
- (5) Giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt của bài học.

– Hướng dẫn đọc mở rộng: những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS vận dụng những tri thức về thể loại VB vào đọc VB cùng thể loại.

3.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần tiếng Việt

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu về kiến thức tiếng Việt của chương trình lớp 8.
- Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.
- Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

3.4.3. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Viết

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về viết mà chương trình đã đề ra.
- Hướng dẫn HS phân tích VB tham khảo để học cách tạo lập kiểu VB tương tự.
- Hướng dẫn HS quy trình viết qua việc thực hành viết một bài, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing).
- Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).
- Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).

3.4.4. Đặc điểm các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe mà chương trình đã đề ra.
- Hướng dẫn HS cách nói dựa trên một đề bài cụ thể để HS có cơ hội học kĩ năng nói, nghe và nói – nghe tương tác.
- Tích hợp với viết (trong phần lớn các bài) để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói.
- Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).

4. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC/ CHỦ ĐIỂM

4.1. Cấu trúc sách

Tương tự như *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, *Ngữ văn 8* có các mục: hướng dẫn sử dụng sách; 10 bài học và các bảng phụ lục.

4.1.1. Hướng dẫn sử dụng sách

Hướng dẫn sử dụng sách gồm hình ảnh của các mục trong bài học và ý nghĩa của việc thực hiện các mục đó. Ví dụ:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh; sử dụng được những đơn vị từ vựng này trong giao tiếp.
- Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.
- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.
- Yêu thương con người, yêu thiên nhiên.

Yêu cầu cần đạt là căn cứ để em:

- Định hướng cách học.
- Tự kiểm soát mức độ đạt được yêu cầu của bài học.

Đọc phần **giới thiệu bài học** em sẽ biết chủ điểm của bài học và thể loại chính của văn bản.

Cuộc sống quanh ta có biết bao điều đáng nhớ: gương mặt thương yêu của người thân, bạn bè; ánh trăng lấp lánh trên dòng sông; vạt nắng trên hàng cau; ngọn khói lam chiều;... Tất cả những điều đó làm nên sự giàu có trong tâm hồn chúng ta.

Nhiều gương mặt thân yêu, khoảnh khắc kỉ diệu của cuộc sống đã được thể hiện rất sinh động trong các văn thơ. Bài học này sẽ giúp em cảm nhận được điều đó qua các bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

? Tình yêu thương đã làm giàu cho tâm hồn chúng ta như thế nào?

Suy ngẫm và tìm câu trả lời cho **câu hỏi** này để hiểu ý nghĩa của bài học.

4.1.2. Phân bố các yêu cầu cần đạt trong 10 bài học

Nội dung và các hoạt động trong từng bài của *Ngữ văn 8* được thiết kế bám sát vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn *Ngữ văn* đã xác định. Mỗi bài học đều có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, đọc, viết, nói và nghe cho từng thể loại (xem ma trận dưới đây):

Tập một

Bài	Văn bản	Yêu cầu cần đạt về Đọc	Yêu cầu cần đạt về tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói và nghe
<i>Những gương mặt thân yêu</i>	– Trong lời mẹ hát – Nhớ đồng – Những chiếc lá thơm tho – Chái bếp	Đọc hiểu thơ sáu chữ, bảy chữ.	Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh.	– Làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ. – Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
<i>Những bí ẩn của thế giới tự nhiên</i>	– <i>Bạn đã biết gì về sóng thần?</i> – <i>Sao băng là gì và những điều bạn cần biết về sao băng</i> – <i>Mưa xuân II</i> – <i>Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim</i>	Đọc hiểu VB thông tin thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.	– Cách trình bày thông tin theo cấu trúc so sánh và đối chiếu. – Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng.	Viết VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.	Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó.

Sự sống thiêng liêng	– Bức thư của thủ lĩnh da đỏ – Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu – Bài ca Côn Sơn – Lối sống đơn giản – Xu thế của thế kỉ XXI	Đọc hiểu VB nghị luận.	Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.	Viết VB nghị luận về một vấn đề của đời sống.	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.
Sắc thái của tiếng cười	– Vắt cổ chày ra nước; May không đi giày – Khoe của; Con rắn vuông – Tiếng cười có lợi ích gì? – Văn hay	Đọc hiểu truyện cười.	– Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu. – Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị.	Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.	Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.
Những tình huống khôì hài	– Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục – Cái chúc thư – Loại vi trùng quý hiếm – “Thuyền trưởng tàu viễn dương”	Đọc hiểu hài kịch.	Đặc điểm và chức năng của trợ từ, thán từ.	Viết VB kiến nghị về một vấn đề của đời sống.	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

Tập hai

Bài	Văn bản	Yêu cầu cần đạt về Đọc	Yêu cầu về tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói và nghe
Tình yêu Tổ quốc	- Nam quốc sơn hà - Qua Đèo Ngang - Lòng yêu nước của nhân dân ta - Chạy giặc	Đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.	- Đào ngữ: đặc điểm và tác dụng. - Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng.	Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
Yêu thương và hi vọng	- Bông chanh đỏ - Bố của Xi-mông - Đào Sơn Ca - Cây sồi mùa đông	Đọc hiểu truyện.	Biết ngữ xã hội: chúc năng và giá trị.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện).	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
Cánh cửa mở ra thế giới	- Chuyến du hành về tuổi thơ “Mẹ vắng nhà” – Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh - Tình yêu sách “Tốt-tô-chan bên cửa sổ”: Khi trẻ con lớn lên trong tình thương	Đọc hiểu VB thông tin giới thiệu một cuốn sách/bộ phim.	Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng.	Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích.	Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách.
Âm vang của lịch sử	- Hoàng Lê nhất thống chí - Viên tướng trẻ và con ngựa trắng - Đại Nam quốc sử diễn ca - Bến Nhà Rồng năm ấy...	Đọc hiểu truyện lịch sử.	- Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến. - Câu khẳng định, câu phủ định.	Viết bài văn kể lại một chuyến đi.	Nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó.
Cười mình, cười người	- Bạn đến chơi nhà - Đề đền Sầm Nghi Đống - Hiểu rõ bản thân - Tự trào I	Đọc hiểu thơ trào phúng.	Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ).	Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

Như vậy, toàn bộ các yêu cầu cần đạt mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đề ra đối với HS lớp 8 đã được bố trí đầy đủ trong 10 bài học. Mỗi bài thực hiện một số yêu cầu.

4.1.3. Các phụ lục

Ngữ văn 6 đã giới thiệu kỹ năng đọc hiểu, *Ngữ văn 7* giới thiệu kỹ năng viết, *Ngữ văn 8* hướng dẫn kỹ năng nói và nghe (SGK, tr. 135, tập một) giúp HS nói và nghe tốt hơn:

HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG NÓI VÀ NGHE

	Gợi ý
TRÌNH BÀY Ý KIẾN HOẶC THUYẾT TRÌNH MỘT VẤN ĐỀ	Trước khi trình bày hoặc thuyết trình • Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian trình bày. • Xác định thông tin cần tìm và cách tìm. • Dự kiến nội dung; liệt kê và sắp xếp những ý cần trình bày theo trình tự hợp lý. • Chuẩn bị hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,... (nếu cần) hoặc phương tiện hỗ trợ trình chiếu (ứng dụng word/ powerpoint, máy chiếu, màn hình chiếu,...) • Dự kiến câu hỏi của người nghe và câu trả lời.
	Trình bày hoặc thuyết trình • Trình bày to, rõ, ngắn gọn, mạch lạc, tập trung làm rõ (những) ý chính; mở đầu và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. • Sử dụng từ ngữ đơn giản, chính xác, đa dạng; giọng điệu, tốc độ, sự ngắt nghỉ,... phù hợp với nội dung, mục đích nói và đối tượng người nghe. • Kết hợp sử dụng ngôn ngữ hình thể, hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, video clip,... • Tương tác với người nghe: chào hỏi, cảm ơn, mời nêu câu hỏi,...
NGHE	Trước khi nghe • Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép. • Tìm hiểu trước nội dung nghe. • Xác định mục tiêu nghe.
	Trong khi nghe • Xác định nội dung chính của bài nói qua một số dấu hiệu ngôn ngữ (<i>Thứ nhất là, ngoài ra, cuối cùng,...</i>); những từ ngữ được lặp lại, diễn giải, nói chậm,... • Quan sát nét mặt, thái độ, giọng điệu,... của người nói để hiểu quan điểm của họ đối với vấn đề được trình bày. • Ghi ngắn gọn nội dung nghe được bằng dàn ý, từ khoá, cụm từ,...; sắp xếp các thông tin theo một trật tự lô-gíc; đánh dấu những thông tin quan trọng, thú vị. • Liệt kê những câu hỏi cần trao đổi với người nghe. • Thể hiện sự tương tác với người nói bằng ánh mắt, nụ cười, cái gật đầu,...
TRAO ĐỔI	• Tôn trọng quy tắc lượt lời: không ngắt lời người khác, kiên nhẫn chờ đến lượt lời của mình. • Nghiêm túc và tương tác với người nói. • Nêu câu hỏi về những ý kiến chưa rõ. • Tôn trọng quan điểm khác biệt. • Trao đổi trên tinh thần xây dựng, tránh gay gắt. • Phản hồi đúng trọng tâm câu hỏi. • Trình bày ý kiến rõ ràng, mạch lạc, dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ quan điểm cá nhân. • Giải thích những điều mà người nghe chưa hiểu.

Ngoài ra, sách còn có bảng tra cứu tiếng nước ngoài (SGK, tr. 136 – 137, tập một; tr. 118, tập 2), bảng giải thích thuật ngữ (SGK, tr. 141 – 143, tập một; tr. 121 – 122, tập 2) giúp HS dễ dàng tra tiếng nước ngoài cũng như những thuật ngữ đã học.

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Alaska	A-lát-xca	35, 36
	Alexandria	A-lếch-xan-đri-a	35
	Ancient murrelet	Én-sân mơ-rơ-lít	43, 46
	Arizona	A-ri-dô-na	44
	W. Alice Boyle	W. E-lít-xơ Bon	44
	Aziz Nesin	A-zit Nê-xin	9, 112, 116

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	Bằng chứng khách quan (trong văn nghị luận)	là những thông tin khác quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.	56
	Bố cục của bài thơ	là sự tổ chức, sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định.	11
	Bối cảnh (trong truyện cười)	thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gần với từng truyện.	78

Điểm mới của *Ngữ văn 8* so với *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* là bảng tra cứu yếu tố Hán Việt – cung cấp thêm kiến thức về từ Hán Việt cho HS:

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
A	Ẩn	1, 2, 4	Giấu kín, lánh đi, giấu	Ẩn dụ (B1), bí ẩn (B2), trù ẩn (B2), hàm ẩn (B4),...	23, 30, 35, 43, 78,...
B	Bản	1, 3, 4	Gốc, vốn có, mình	Bản thân (B1), bản địa (B3), bản chất (B4),...	26, 58, 78,...
C	Chiêm	5	Ngửa mặt trông, xem	Chiêm ngưỡng, chiêm bái	113, 114, ...
	Chứng	1, 3	Bằng cứ, chứng tỏ, chứng minh	Bằng chứng (B1), kiểm chứng (B3), chứng kiến (B3),...	25, 55, 61,...
	Công	2, 5	– Chung, công khai – Đục, trống, ông, cha chồng	– Công bố (B2) – Tướng công (B5)	– 45 – 103
		3	Công việc, công nghiệp, công trình, người thợ	Công nghiệp,...	58, 67, 70,...
		5	Công lao, thành tích	Chiến công,...	96,...
		2, 5	Đánh, vấp đánh, chỉ trích	Tấn công (B2),... Phản công (B5),...	34, 35, 97,...
	Cơ	1, 2	Nền móng, nền tảng, căn cứ, dựa theo	Cơ bản, cơ địa (B2), cơ sở (B1),...	22, 30, 37, 39, 42, 56,...
		3	Máy, máy móc	Cơ khí,...	58

4.2. Cấu trúc chủ điểm/ bài học

Các bài học trong *Ngữ văn 8* được phân bố thành ba mạch chính: tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu xã hội, tìm hiểu bản thân. Cụ thể như sau:

Tìm hiểu thiên nhiên	Tìm hiểu xã hội	Tìm hiểu bản thân
- Những bí ẩn của thế giới tự nhiên - Sự sống thiêng liêng	- Những gương mặt thân yêu - Sắc thái của tiếng cười - Những tình huống khôi hài - Tình yêu Tổ quốc - Âm vang của lịch sử - Cánh cửa mở ra thế giới	- Yêu thương và hi vọng - Cười mình, cười người

Mỗi bài học của *Ngữ văn 8* gồm sáu mục, có sự kết nối chặt chẽ giữa yêu cầu cần đạt, giới thiệu bài học, trình bày kiến thức mới (cung cấp những lí thuyết có tính chất công cụ để giúp HS đọc hiểu, viết, nói, nghe) và các hoạt động hướng dẫn HS đọc, làm bài tập tiếng Việt, viết, nói và nghe, ôn tập (xem sơ đồ sau):

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Định hướng yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất.
GIỚI THIỆU BÀI HỌC CÂU HỎI LỚN	Cung cấp thông tin tổng quát về bài học và khơi gợi hứng thú.
ĐỌC Tri thức Ngữ văn (Đọc hiểu, tiếng Việt) VB 1, 2: thuộc thể loại chính của bài học VB 3: Đọc kết nối chủ điểm, thuộc thể loại khác VB 4: Đọc mở rộng theo thể loại: thực hành đọc thể loại chính của bài học THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	Cung cấp tri thức, công cụ để đọc VB. Hướng dẫn đọc VB nhằm đạt mục tiêu bài học. Thực hành kiến thức tiếng Việt để đọc hiểu và tạo lập VB.

VIẾT

Tri thức về kiểu bài
 Hướng dẫn phân tích kiểu VB
 Hướng dẫn quy trình viết

Cung cấp tri thức, công cụ để tạo lập VB.

Hướng dẫn các bước tạo lập VB.

NÓI – NGHE

Tri thức về kiểu bài
 Hướng dẫn quy trình nói – nghe

Cung cấp tri thức, công cụ hướng dẫn nói, nghe

ÔN TẬP

Củng cố kiến thức; suy ngẫm về những gì đã học.

Phần *Đọc* trong mỗi bài học sẽ gồm: hai VB đọc chính cùng chủ điểm, cùng thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kỹ năng đọc theo thể loại, đồng thời, thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB. VB thứ ba khác về thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ điểm, giúp HS hiểu: cùng một chủ điểm nhưng có nhiều cách thể hiện khác nhau. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh VB này với VB khác, đồng thời, tăng ngữ liệu cho phần *Thực hành tiếng Việt*. VB thứ tư cùng thể loại, chủ điểm với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại, tạo cho HS cơ hội sử dụng kiến thức đã học để đọc VB khác cùng thể loại (HS tự đọc ở nhà, đến lớp thảo luận). Vì thế, các câu hỏi về VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

Các yêu cầu cần đạt được triển khai, thể hiện qua từng hoạt động cụ thể trong từng bài học. Ví dụ: bài *Tình yêu Tổ quốc* có các yêu cầu:

ĐỌC

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

Yêu cầu đọc hiểu hình thức

Yêu cầu đọc hiểu nội dung

Yêu cầu liên hệ, so sánh, kết nối

Các yêu cầu trên được triển khai trong hệ thống câu hỏi (mục *Suy ngẫm và phản hồi*, SGK, tr. 8, tập hai) để giúp HS đạt được yêu cầu “nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối”. Các câu hỏi đó là:

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Theo em, bài thơ đã tuân thủ quy định về *luật, niêm, vần, đối* của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường như thế nào?

Để giúp HS đạt được yêu cầu “Viết được VB nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục”, sách trình bày yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, sau đó hướng dẫn HS phân tích bài văn tham khảo để các em hiểu được đặc điểm kiểu VB này (SGK, tr. 71, tập một):

Thực hiện các yêu cầu sau để xác định đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống:

1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?
2. Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.
3. Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.

Tiếp theo, sách nêu một đề văn mở và hướng dẫn HS từng bước trong quy trình tạo lập VB. Sách còn trình bày các bảng kiểm để hướng dẫn HS tự đọc và tự điều chỉnh bài viết (SGK, tr. 73, tập một):

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối.		

Thân bài	Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận (nếu có).		
	Trình bày vấn đề cần bàn luận.		
	Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.		
	Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm.		
	Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.		
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề.		
	Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.		
Trình bày, diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
	Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục.		

Nội dung phần *Nói và nghe* trong SGK cũng được thiết kế tương tự như phần *Viết*.

Như vậy, mọi hoạt động dạy học đều thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học, không đi ra ngoài cũng như không nâng cao yêu cầu cần đạt đã xác định (trừ trường hợp dạy lớp chuyên, khi HS đã đạt được yêu cầu cần đạt mà chương trình đã nêu), cũng không dựa trên trình độ HS mà giảm mức độ của yêu cầu cần đạt, vì yêu cầu đó là chuẩn tối thiểu mà HS mọi vùng miền cần đạt.

5. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 8Tên sách: *Ngữ văn 8*(Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ *Chân trời sáng tạo*)**HỌC KÌ 1: 72 tiết**

Bài 1 NHỮNG GƯƠNG MẶT THÂN YÊU (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Thơ 6 chữ, 7 chữ	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3, 4	<i>Trong lời mẹ hát</i>	
		<i>Nhớ đồng</i>	
	Tiết 5	<i>Những chiếc lá thơm tho</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		<i>Chái bếp</i>	
Tiếng Việt	Tiết 6, 7	Từ tượng thanh, tượng hình và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Làm một bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ	Bước 3: Làm thơ; bước 4: Chỉnh sửa: Hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem kết quả đến lớp chia sẻ
	Tiết 10	Viết đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ tự do	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Nói và nghe	Tiết 11, 12	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 2
NHỮNG BÍ ẨN CỦA THẾ GIỚI TỰ NHIÊN (14 tiết)
 (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
 Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	Văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4	<i>Bạn đã biết gì về sóng thần?</i>	
	Tiết 5, 6	<i>Sao băng là gì và những điều cần biết về sao băng</i>	
	Tiết 7	<i>Mưa xuân II</i> <i>Những điều bí ẩn trong tập tính di cư của các loài chim</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 8, 9	Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 10, 11	Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 12, 13	Nghe và nắm bắt nội dung chính trong thảo luận nhóm, trình bày lại nội dung đó	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 14		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 3 SỰ SỐNG THIÊN LIÊNG (12 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
	Tiết 1	Văn bản nghị luận: bằng chứng và đánh giá chủ quan; luận đề và luận điểm	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	
	Tiết 4, 5	Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu	
	Tiết 6	<i>Bài ca Côn Sơn</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI	
Tiếng Việt	Tiết 7	Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 10, 11	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra giữa kì: 3 tiết			

Bài 4 SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (12 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	<i>Truyện cười</i>	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3, 4	Chùm VB 1, 2: <i>Vắt cổ chày ra nước; May không đi giày</i>	
		Chùm VB 3, 4: <i>Khoe của; Con rắn vuông</i>	
	Tiết 5	<i>Tiếng cười có lợi ích gì?</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		<i>Văn hay</i>	
Tiếng Việt	Tiết 6, 7	Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn và Thực hành Tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 10, 11	Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 5 NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI (14 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	<i>Hài kịch</i>	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4, 5	<i>Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</i>	
	Tiết 6, 7	Cái chúc thư	
	Tiết 8, 9	Loại vi trùng quý hiếm	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		Thuyền trưởng “tàu viễn dương”	
Tiếng Việt	Tiết 10	Trợ từ, thán từ và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 11, 12	Văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 13	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 14		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra cuối kì: 4 tiết			

HỌC KÌ 2: 68 tiết

Bài 6 TÌNH YÊU TỔ QUỐC (12 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3, 4	Nam quốc sơn hà	
		Qua đèo Ngang	
	Tiết 5	Lòng yêu nước của nhân dân ta	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		Chạy giặc	
Tiếng Việt	Tiết 6, 7	Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 10, 11	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 7 YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Một số đặc điểm của văn bản truyện	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2,3,4	Bồng chanh đỏ	
		Bố của Xi-mông	
	Tiết 5,6	<i>Đảo Sơn Ca</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết
		Cây sồi mùa đông	
Tiếng Việt	Tiết 7,8	Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị và Thực hành Tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9,10	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện)	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 11,12	Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra giữa kì: 3 tiết			

Bài 8 CẢNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI (12 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
	Tiết 1	Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2,3	Chuyến du hành về tuổi thơ	
	Tiết 4, 5	<i>“Mẹ vắng nhà” – bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh</i>	
	Tiết 6	<i>Tình yêu sách</i> Tốt-tô-chan: Khi trẻ con lớn lên trong tình yêu thương	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 7	Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 10, 11	Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 9 ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	Truyện lịch sử	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4	<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>	
	Tiết 5, 6	<i>Viên tướng trẻ và con ngựa trắng</i>	
	Tiết 7	<i>Đại Nam quốc sử diễn ca</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết
		<i>Bến Nhà Rồng năm ấy...</i>	
Tiếng Việt	Tiết 8	Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9, 10	Viết bài văn kể lại một chuyến đi	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 11, 12	Nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 10 CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI (11 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Thơ trào phúng	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Bạn đến chơi nhà</i>	
	Tiết 4, 5	Đề đền Sầm Nghi Đống	
	Tiết 6	Hiểu rõ bản thân	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết
		Tự trào I	
Tiếng Việt	Tiết 7	Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ)	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói và nghe	Tiết 10	Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 11		Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra cuối kì: 4 tiết			

6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Xem thêm *Tài liệu tập huấn GV Ngữ văn 6, Tài liệu bồi dưỡng GV môn Ngữ văn lớp 7*
Các website hanhtrangso.nxbgd.vn và taphuan.nxbgd.vn.

7. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Xem thêm *Tài liệu tập huấn GV Ngữ văn 6, Tài liệu bồi dưỡng GV môn Ngữ văn lớp 7*.
Các website hanhtrangso.nxbgd.vn và taphuan.nxbgd.vn

8. MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN 8

Dạy học theo CTGDPT 2018 nhằm hướng đến việc hình thành năng tự học cho HS. Khi lập kế hoạch dạy học, GV cần trả lời câu hỏi: Sau bài học này, HS có thể làm được gì? Do đó, khi soạn kế hoạch bài dạy, GV cần lưu ý một số điểm sau:

8.1. Mục tiêu bài dạy

KHBD (kế hoạch bài dạy) theo hướng phát triển năng lực cho HS không thể hiện mục tiêu bài dạy theo các mục kiến thức, kĩ năng, thái độ một cách rời rạc, mà theo các mục về năng lực (bao gồm năng lực đặc thù, năng lực chung) và phẩm chất. Điều quan trọng là mục tiêu bài dạy cần được viết một cách cụ thể và định lượng, quan sát được thông qua các động từ miêu tả rõ mức độ tư duy như nhận biết, trình bày, phân tích,... (bám sát yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018). Điều này cũng cho thấy các yêu cầu cần đạt nên được viết từ vai trò chủ thể của hoạt động học là HS chứ không nên viết từ vai trò của GV. Chẳng hạn, thay vì viết “giúp HS nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết” (viết từ vai chủ thể là GV), ta nên viết “nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết” (viết từ vai chủ thể là HS).

8.2. Tiến trình dạy học

KHBD phát triển năng lực cần được thiết kế theo một tiến trình phù hợp với tiến trình tư duy của HS (từ đơn giản đến phức tạp, từ trực quan sinh động đến trừu tượng, từ những gì HS đã biết đến những gì HS chưa biết), đảm bảo vai trò trung tâm của HS và hướng dẫn HS hình thành năng lực thông qua việc tổ chức các hoạt động học cụ thể (dựa trên quan điểm của thuyết kiến tạo). Tiến trình này bắt đầu từ việc xác định nhiệm vụ học tập đến hình thành tri thức, kĩ năng để giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra và cuối cùng là luyện tập, vận dụng để khắc sâu kiến thức mới. Tiến trình dạy học một đơn vị kiến thức hoàn chỉnh bao gồm bốn hoạt động như sau:

– Hoạt động *mở đầu*: khởi động, kích hoạt kiến thức nền, xác định nhiệm vụ học tập.

– Hoạt động *hình thành kiến thức mới*: hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết để giải quyết nhiệm vụ học tập đã được đặt ra.

– Hoạt động *luyện tập*: luyện tập, thực hành để củng cố các kiến thức, kĩ năng đã học.

– Hoạt động *vận dụng* và *mở rộng*: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết tình huống tương tự; mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho HS nếu cần.

– Tiến trình dạy học như vậy phù hợp với quá trình tư duy của HS, đáp ứng được định hướng phát triển năng lực cho HS.

Mỗi chủ điểm gồm có bốn KHBD: dạy kỹ năng đọc, dạy tiếng Việt, dạy kỹ năng viết, dạy kỹ năng nói và nghe. Bốn hoạt động dạy học được thể hiện trong các KHBD như sau:

Tiến trình dạy học chung	Thiết kế KHBD kỹ năng Đọc	Thiết kế KHBD tiếng Việt	Thiết kế KHBD kỹ năng Viết	Thiết kế KHBD kỹ năng Nói và nghe
Hoạt động mở đầu	– Hoạt động giới thiệu chủ điểm và câu hỏi lớn. – Hoạt động xác định nhiệm vụ đọc.	– Hoạt động khởi động, kích hoạt kiến thức nền (nếu có). – Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập.	– Hoạt động xác định nhiệm vụ viết. – Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết.	– Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về kiểu bài qua hoạt động viết đã thực hiện (nếu có). – Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe.
Hoạt động hình thành kiến thức mới	– Hoạt động giới thiệu tri thức đọc hiểu. – Hoạt động đọc VB 1. – Hoạt động đọc VB 2. – Hoạt động khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc.	Hoạt động hình thành tri thức tiếng Việt.	– Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về kiểu bài qua các VB đã đọc (nếu có). – Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài. – Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu VB. – Hoạt động hướng dẫn quy trình viết.	– Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói. – Hoạt động tìm ý, lập dàn ý. – Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá kỹ năng nói và nghe. – Hoạt động làm mẫu kỹ năng nói và nghe (nếu cần).

Hoạt động luyện tập	– Hoạt động hướng dẫn đọc kết nối chủ điểm. – Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại.	– Hoạt động <i>Thực hành tiếng Việt</i>. – Hoạt động <i>Viết ngắn</i>. – Hoạt động thực hiện bài tập mở rộng (nếu cần).	Tổ chức cho HS viết bài qua các hoạt động: – Hoạt động chuẩn bị trước khi viết. – Hoạt động làm mẫu thao tác, quy trình viết. – Hoạt động tìm ý, lập dàn ý, viết bài. – Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	– Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe. – Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.
Hoạt động vận dụng và mở rộng			Hoạt động công bố và tiếp tục chỉnh sửa sản phẩm viết.	

8.3. Tổ chức thực hiện hoạt động

Số tiết trung bình cho 10 chủ điểm/ bài học chính trong *Ngữ văn 8* là 12 tiết, có một số bài 14 tiết, trong đó, số tiết dành cho hoạt động đọc chiếm khoảng 1/3 hoặc 1/2. Tuy nhiên, tùy theo khả năng tiếp nhận kiến thức của HS mà GV có thể điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với từng chủ điểm/ bài học: cần thực hiện đúng trình tự các hoạt động đã được thiết kế trong SGK, đó là: (1) dạy tri thức đọc hiểu và hướng dẫn HS đọc các VB; (2) dạy tiếng Việt (dạy tri thức tiếng Việt và tổ chức cho HS *Thực hành tiếng Việt*; (3) dạy viết; (4) dạy nói – nghe; (5) tổ chức cho HS ôn tập sau mỗi chủ điểm/ bài học.

Để bám sát mục tiêu dạy học phát triển năng lực, các hoạt động trong KHBD phát triển năng lực cần được tổ chức sao cho HS là người trực tiếp thực hiện các hoạt động và học hỏi thông qua việc làm nhiệm vụ, hợp tác, giao tiếp với các thành viên khác trong lớp học (các HS khác, GV). Vai trò của GV là người tổ chức hoạt động, hướng dẫn, định hướng để HS tự mình tìm ra tri thức, hình thành kỹ năng. Định hướng này được thể hiện qua việc:

– *Thiết kế hoạt động xác định nhiệm vụ học tập ở hoạt động mở đầu*: giúp HS có cái nhìn tổng quan về nội dung bài học, về những nhiệm vụ cần thực hiện, giúp các em chủ động trong giờ học, có thể theo dõi được mức độ tiếp thu của bản thân thông qua

việc tự đánh giá kết quả hoạt động của bản thân. Hoạt động này xác định tâm thế học tập quan trọng của dạy học phát triển năng lực: tất cả các thành viên trong lớp học cùng tham gia kiến tạo tri thức, kết quả của giờ học là sản phẩm của trí tuệ tập thể, cả của HS (vai trò trung tâm) và của GV (vai trò tổ chức, hướng dẫn).

– *Mỗi nhiệm vụ học tập cần được gắn với một mục tiêu cụ thể*: giúp hoạt động đi đúng hướng, nhằm đáp ứng mục tiêu cần đạt của bài học, giúp GV và HS định lượng mức độ đạt được của mục tiêu sau khi thực hiện hoạt động.

– *Mỗi nhiệm vụ học tập cần được gắn với sản phẩm cụ thể*: Sản phẩm là những gì HS làm được trong quá trình học tập, không nhất thiết phải là những sản phẩm công phu, phức tạp như bức tranh, mô hình, bài thuyết trình, mà ngay cả những điều nhỏ nhất như câu trả lời của HS, câu hỏi HS đặt ra, kết quả của hoạt động thảo luận,... cũng được tính là sản phẩm. Sản phẩm của hoạt động chính là một kênh minh chứng quan trọng để đo được năng lực của HS.

– *Mỗi hoạt động trong KHBD được thiết kế theo tiến trình giao nhiệm vụ học tập → thực hiện nhiệm vụ học tập → báo cáo kết quả nhiệm vụ học tập → kết luận, nhận định*: giúp làm bật vai trò, hoạt động cụ thể của GV và HS trong từng giai đoạn tổ chức hoạt động.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ KIỂU BÀI

Tất cả các bài học của *Ngữ văn 8* đều được thiết kế tích hợp, trong mỗi bài học có bốn kiểu bài: đọc và thực hành tiếng Việt, viết, nói – nghe và ôn tập. Phần dưới đây hướng dẫn cách tổ chức một bài học cụ thể.

CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI

(Văn bản thông tin)

1. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC

1.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của bài học này được thiết kế nhằm hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể 2018 và kỹ năng đọc, viết, nói – nghe mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra đối với HS lớp 8, cụ thể là:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.

- Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.

- Viết được bài văn thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.

- Biết trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách.

- Yêu quý sách và thường xuyên đọc sách.

1.2. Nội dung

1.2.1. Nội dung phần Đọc và Thực hành tiếng Việt

Trong chủ điểm này, HS học kỹ năng đọc hiểu thể loại VB thông tin, kiểu VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim. Thông qua những VB thuộc thể loại này, HS không chỉ biết cách viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim mà còn tăng tình

yêu sách và điện ảnh, thấy được sự thú vị, hữu ích của việc đọc sách, xem phim. Nội dung tri thức của phần đọc gồm:

– Tri thức về kiểu VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim nhằm giúp HS có tri thức công cụ về kiểu VB này để biết cách đọc hiểu VB theo thể loại.

– Các VB đọc gồm: ba VB đọc cùng chủ điểm, cùng thể loại VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, một trích đoạn VB đọc kết nối chủ điểm thuộc thể loại truyện. VB 1 và 2: hướng dẫn HS cách đọc hiểu VB thông tin giới thiệu sách/ bộ phim, VB 4 giúp HS sử dụng các kĩ năng đọc hiểu đã có sau khi đọc VB 1 và 2 để thực hành (VB Đọc mở rộng theo thể loại). VB 3 (Đọc kết nối chủ điểm) giúp HS hiểu là cùng một nội dung có thể được thể hiện bằng những cách thức khác nhau, đồng thời, tăng ngữ liệu thực hành tiếng Việt.

– Tri thức tiếng Việt HS được học trong bài này là *Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng*, mục đích: giúp HS biết bốn loại thành phần biệt lập để vận dụng vào các hoạt động giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe.

1.2.2. Nội dung phần Viết và Nói – nghe

Trong phần này, HS được học cách viết bài văn giới thiệu một cuốn sách và cách trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách. HS có thể chuyển bài đã viết thành bài nói.

Như vậy, bài học này có sự tích hợp rất chặt chẽ về các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe, tích hợp giữa thể loại và chủ điểm.

1.2.3. Nội dung phần Ôn tập

Phần ôn tập gồm sáu câu hỏi. Các câu 1, 2: hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc, câu 3: ôn tiếng Việt, câu 4 và câu 5: ôn kĩ năng viết, nói – nghe. Câu cuối: giúp HS suy ngẫm về tác dụng của việc đọc sách.

2. KẾT CẤU BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

Bài học *Cánh cửa mở ra thế giới* được dự kiến dạy trong 12 tiết, cụ thể như sau:

	Nội dung bài học	Số tiết
ĐỌC	Tri thức đọc hiểu: văn bản thông tin	4 tiết
	VB 1: CHUYẾN DU HÀNH VỀ TUỔI THƠ	
	VB 2: “MẸ VẮNG NHÀ” – BỘ PHIM TUYỆT ĐẸP VỀ NHỮNG ĐỨA TRẺ THỜI CHIẾN TRANH	
	VB 3 (đọc kết nối chủ điểm): TÌNH YÊU SÁCH	0,5 tiết
	VB 4 (đọc mở rộng theo thể loại): “TỐT-TÔ-CHAN BÊN CỬA SỔ”: KHI TRẺ CON LỚN LÊN TRONG TÌNH THƯƠNG	1 tiết

TIẾNG VIỆT	Tri thức tiếng Việt: <i>Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng</i>	2 tiết
	Thực hành tiếng Việt	
VIẾT	Viết bài văn giới thiệu về một cuốn sách	2 tiết
NÓI – NGHE	Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách	2 tiết
ÔN TẬP	Ôn tập 6 câu hỏi	0,5 tiết

Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo đạt được yêu cầu cần đạt của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở để giải thích ngắn gọn về VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, viết VB giới thiệu một cuốn sách, trình bày bài giới thiệu về cuốn sách, cách viết đoạn văn, thành phần biệt lập trong câu. Trong quá trình giải thích, GV cần kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng.

- Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi giải quyết vấn đề và một số kĩ thuật như sơ đồ, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và một số đơn vị kiến thức liên quan đến tiếng Việt.

3.2. Phương tiện dạy học

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu thể).
- Đoạn video clip thuyết trình về một vấn đề cụ thể để tổ chức dạy nói và nghe.
- Một số mẫu tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*chuẩn bị đọc, suy ngẫm và phản hồi*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm áp phích giới thiệu sách.

4. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

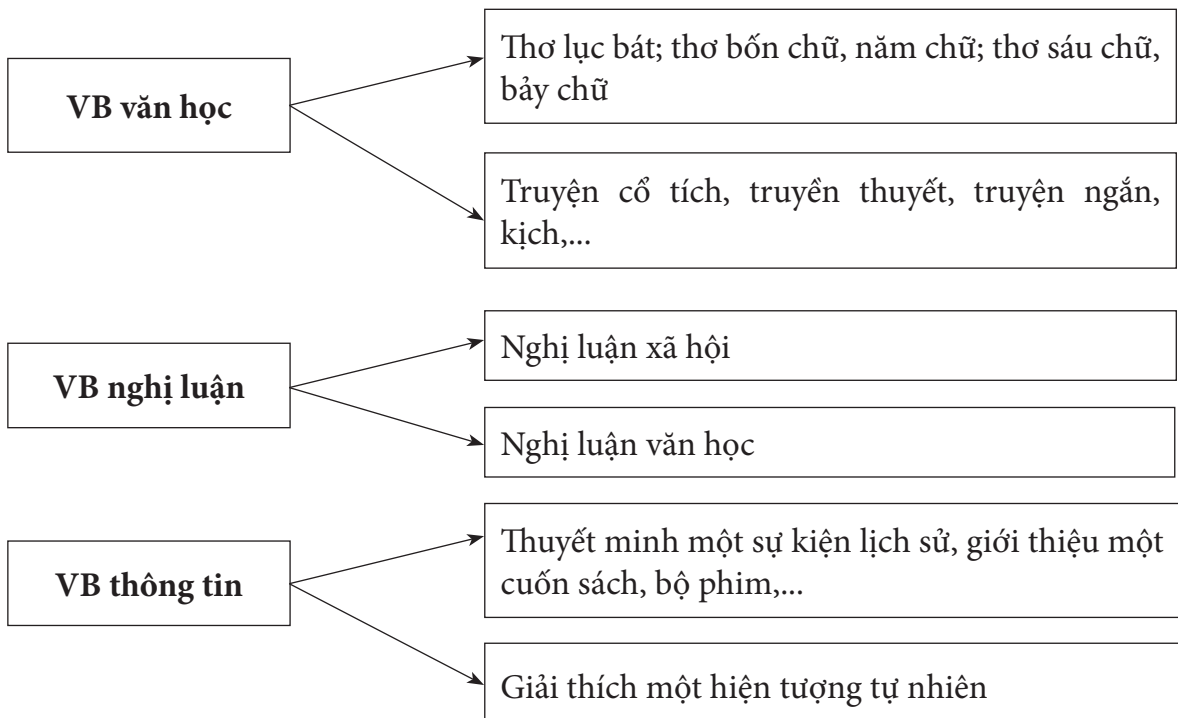
GV có thể dùng video clip, hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những cuốn sách, bộ phim mà các em yêu thích, sau đó, yêu cầu HS chia sẻ trải nghiệm với các bạn trong lớp. Tiếp theo, GV nêu câu hỏi lớn của bài học để HS suy ngẫm. Câu hỏi lớn là câu hỏi gắn với chủ điểm của bài học, đồng thời gắn với những vấn đề của đời sống, gợi ra những cuộc đối thoại mở, không có một đáp án duy nhất,... Do đó, ở bước này, GV chỉ nêu câu hỏi lớn để HS suy ngẫm, chứ không chốt đáp án. Cuối bài, trong phần *Ôn tập*, GV nêu lại câu hỏi lớn để HS trả lời.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

GV có thể dạy phần này bằng cách diễn dịch hoặc quy nạp. Dù dạy theo cách nào, GV cũng cần nêu ví dụ cụ thể từ một bài giới thiệu sách hoặc bộ phim bằng cách chiếu bài giới thiệu lên màn hình hoặc in lên giấy A0/ phiếu học tập cho HS quan sát. Cách dạy như sau:

– Đầu tiên, GV gợi nhắc HS về ba loại VB mà HS đã được học ở các lớp dưới và ở lớp 8, đó là: VB văn học, VB nghị luận và VB thông tin. Sau đó, GV yêu cầu HS nêu tên một vài thể loại đã học thuộc ba loại VB trên, từ đó nhấn mạnh: VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thuộc loại VB thông tin. GV có thể dùng sơ đồ sau:



GV cũng có thể yêu cầu HS nêu tên một vài VB thuộc các thể loại trên.

– Tiếp theo, từ một ví dụ cụ thể là bài giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, GV giảng giải, kết hợp hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm, cấu trúc của bài viết theo thể loại này.

Lưu ý: Khi chọn VB giới thiệu sách để làm ví dụ, GV cần chọn những VB thể hiện đầy đủ các đặc điểm của thể loại này mà SGK đã nêu.

2. Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng

Riêng nội dung phần tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB1, 2 và VB *Đọc kết nối chủ điểm* để tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức dạy học và thuận lợi cho hoạt động tư duy, nhận thức của HS.

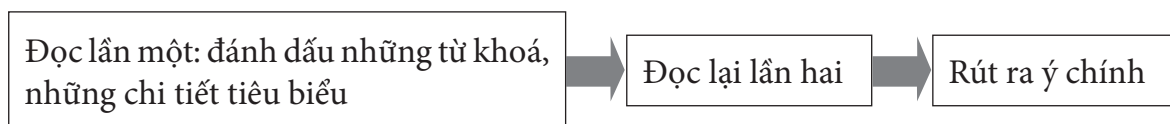
TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

GV cần tổ chức cho HS đọc VB để hiểu được sự kết hợp giữa việc cung cấp thông tin về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* và tình cảm yêu mến với cuốn sách của người viết bài giới thiệu.

2. Kĩ năng theo dõi

Trong bài học này, GV nên tập trung hướng dẫn HS kĩ năng xác định thông tin chính, vì đây là một trong những kĩ năng chính mà người đọc cần được rèn luyện khi đọc VB. GV có thể hướng dẫn HS kĩ năng này dựa vào sơ đồ sau:



Như vậy, để hiểu một VB, hoạt động đọc cần được thực hiện nhiều lần.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: *CHUYẾN DU HÀNH VỀ TUỔI THƠ*

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa *Yêu cầu cần đạt* và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. – Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể.	Câu 1, 3, 4, 5, 6
Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.	Câu 2
Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại.	Câu 7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể dùng một trong hai cách sau:

– Cách 1: GV giao bài tập về nhà cho HS vào tiết học trước: tìm đọc tác phẩm *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, ghi lại vài cảm nhận để vào đầu giờ học VB này, chia sẻ cảm nhận đó với các bạn trong lớp. HS nào thực hiện được yêu cầu, GV nên cho các em điểm thưởng.

– Cách 2: GV mời một HS đã đọc truyện này hoặc chính GV tóm tắt nội dung truyện cho cả lớp nghe.

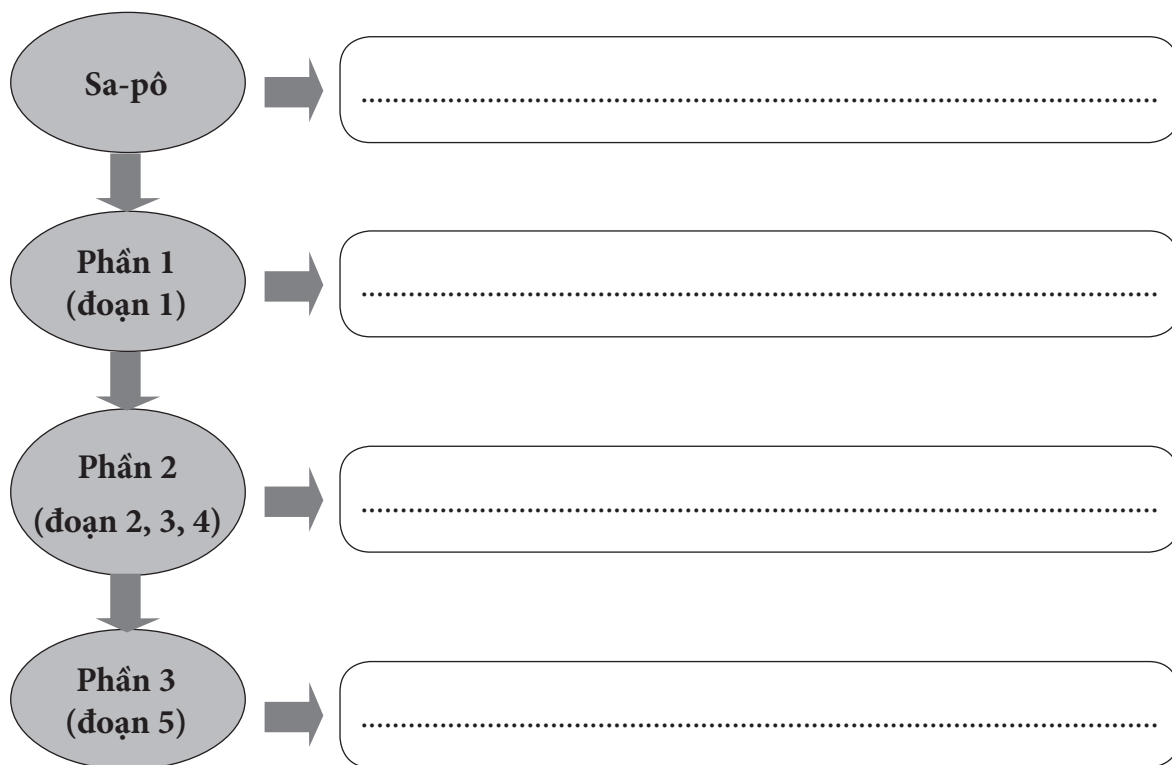
2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Trước tiên, GV yêu cầu HS đọc VB, khi đọc hết đoạn 2, GV cho HS dừng lại vài phút để xác định nội dung chính của đoạn này. Tương tự như vậy, khi HS đọc hết đoạn 3, cho HS tự suy luận mục đích viết của tác giả.

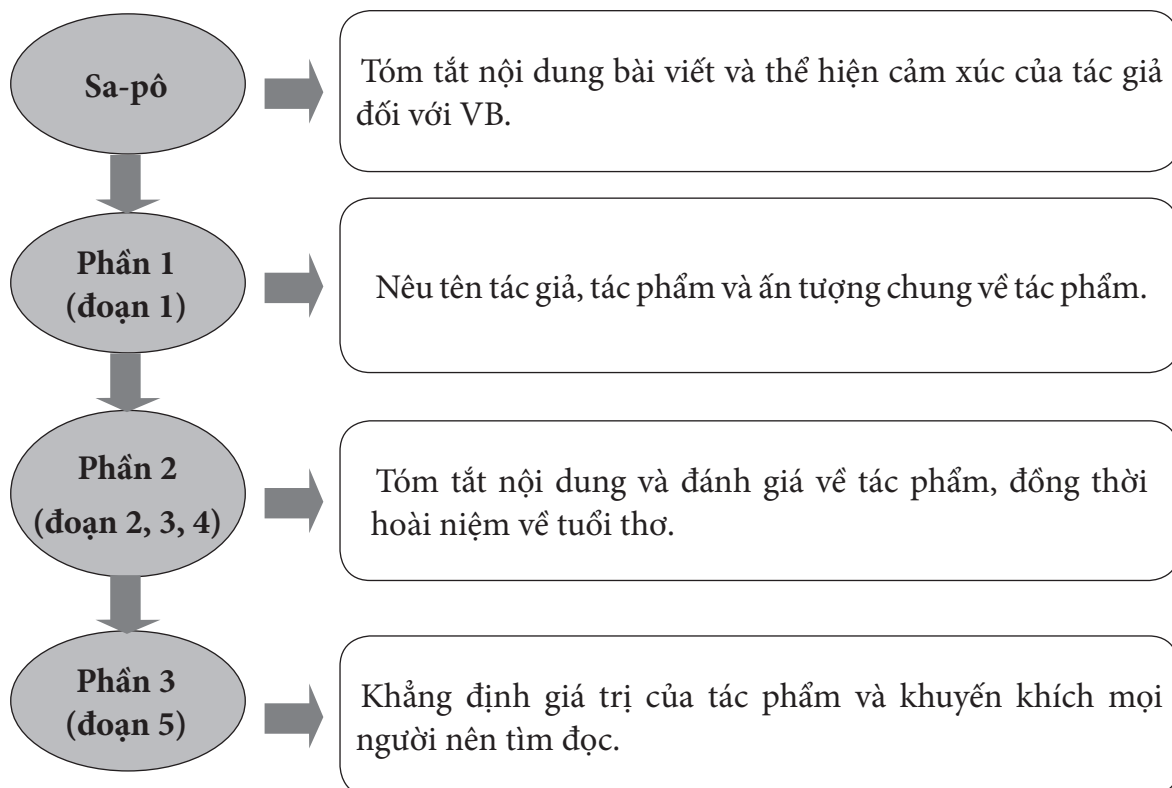
GV có thể dùng kỹ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để chia sẻ sự suy luận của bản thân về mục đích viết của tác giả ở đoạn 3. Ví dụ, GV có thể nói to “cô/ thầy nghĩ rằng mục đích của đoạn này là giúp người nghe/ đọc nắm bắt nội dung tác phẩm”.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Câu 1: Hướng dẫn HS đọc lại phần giải thích về cấu trúc VB trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó, thảo luận nhóm để xác định cấu trúc của VB và tóm tắt nội dung từng phần. GV có thể hướng dẫn HS điền vào sơ đồ khuyết sau:

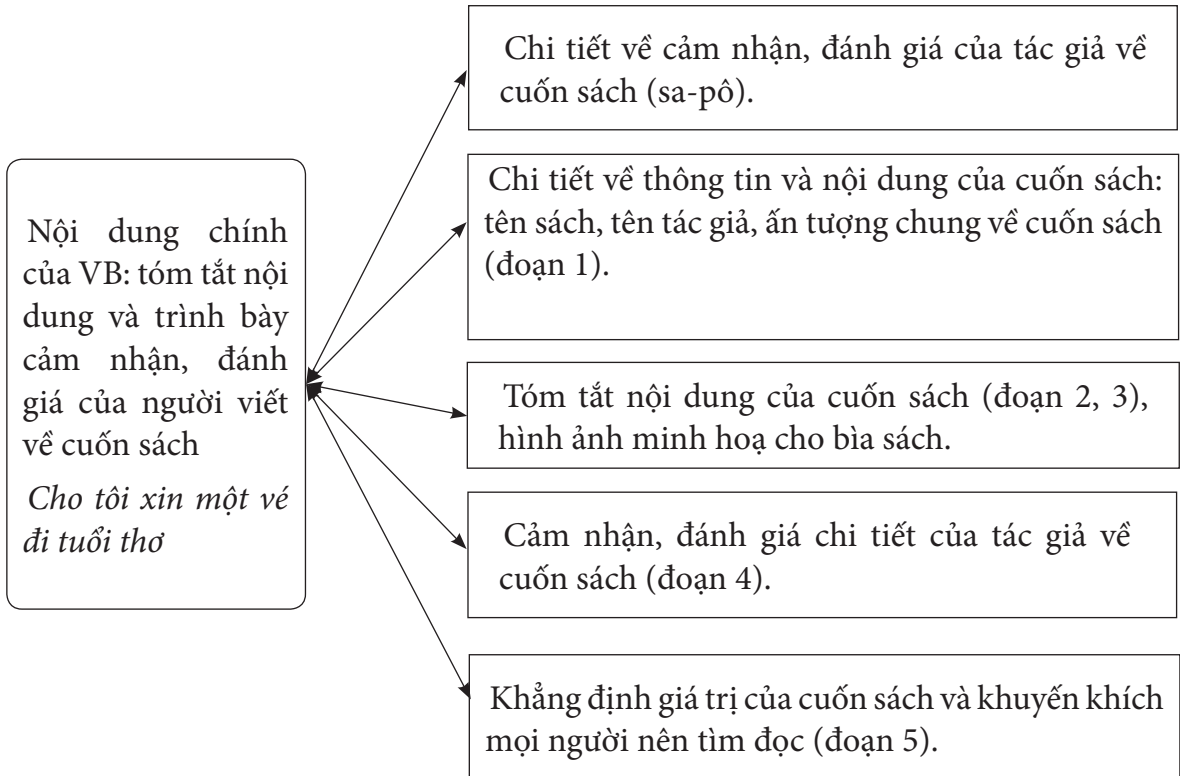


Gợi ý trả lời:



Câu 2: Sau khi HS hoàn thành sơ đồ trên, GV cho HS thảo luận nhóm để tóm tắt nội dung chính của VB và tìm một số chi tiết thể hiện nội dung chính và điền vào sơ đồ khuyết.

Gợi ý trả lời:



Lưu ý: Mỗi quan hệ giữa thông tin cơ bản và các chi tiết là mối quan hệ hai chiều: thông tin cơ bản của VB được thể hiện qua các chi tiết và các chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

Câu 3: GV cung cấp cho HS cách hiểu về phương thức biểu đạt và gợi cho các em nhớ lại các phương thức biểu đạt đã học: Phương thức biểu đạt trong VB là cách mà người viết truyền tải những thông tin đến với người đọc. Có sáu loại phương thức biểu đạt là: tự sự (trình bày diễn biến sự việc), miêu tả (tái hiện trạng thái, sự vật, con người), biểu cảm (bày tỏ tình cảm, cảm xúc), nghị luận (nêu ý kiến đánh giá, bàn luận), thuyết minh (giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp), hành chính – công vụ (trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người).

Sau đó, GV tổ chức cho HS thảo luận, xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong sa-pô và các đoạn của VB; tiếp theo, phân tích tác dụng của chúng.

Gợi ý trả lời:

	Phương thức biểu đạt	Tác dụng
Sa-pô	Biểu cảm kết hợp nghị luận.	Thể hiện cảm xúc, đánh giá của người viết.
Đoạn 1	Thuyết minh kết hợp nghị luận.	Cung cấp thông tin kết hợp về tác giả, tác phẩm, kết hợp thể hiện nhận xét của người viết.
Đoạn 2	Thuyết minh kết hợp nghị luận.	Giới thiệu nội dung kết hợp nhận xét về câu chuyện.
Đoạn 3	Tự sự kết hợp nghị luận.	Thuật lại nội dung câu chuyện kết hợp bàn luận.
Đoạn 4	Nghị luận kết hợp biểu cảm.	Thể hiện đánh giá, cảm xúc của người viết.
Đoạn 5	Nghị luận.	Nhận xét về giá trị của tác phẩm.

Ngoài ra, bài viết còn kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh bìa cuốn sách) để truyền tải thông tin một cách sinh động, hiệu quả.

Câu 4: GV chia lớp làm hai nhóm lớn (mỗi nhóm lớn gồm nhiều nhóm nhỏ). Nhóm lớn thứ nhất tìm các từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết trong sa-pô, đoạn 1, 2 và nêu mục đích sử dụng. Nhóm lớn thứ hai: thực hiện nhiệm vụ tương tự với các đoạn còn lại.

Gợi ý trả lời: Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về tác phẩm “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ”: chiếc vé quý giá trở về những ngày ấu thơ xa vắng; một cuốn sách đáng đọc; thế giới kì diệu kia, lạ lùng thay; thấm đượm dư vị ngọt ngào của những ngày thơ bé, hương thơm dịu ngọt của những kỉ niệm đẹp dễ khó phai mờ, khiến người đọc bật cười thích thú; vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa; tác phẩm nhỏ xinh;...

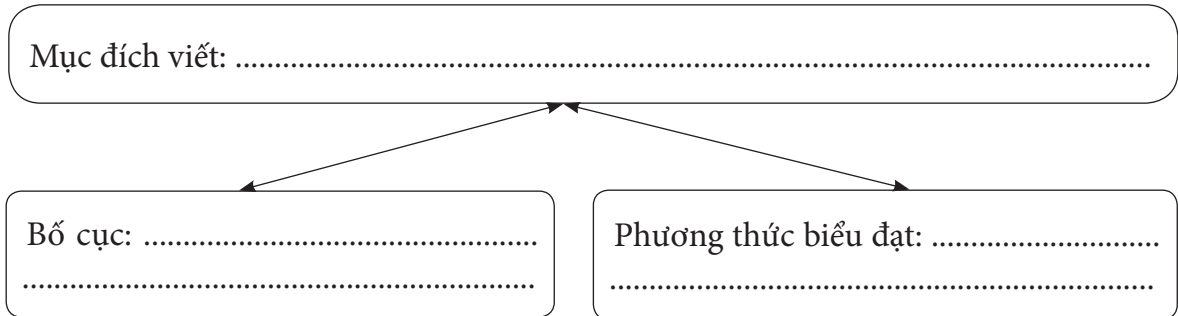
Mục đích của việc sử dụng những từ ngữ ấy trong VB: biểu đạt cảm xúc, sự nhìn nhận, đánh giá của người viết về cuốn sách; qua đó thể hiện sự khích lệ của người viết với bạn đọc về việc nên tìm đọc cuốn sách.

Câu 5: Gợi HS nhớ lại khái niệm “nhan đề” đã học ở lớp 6: Nhan đề là tên của VB, thể hiện nội dung chính của VB đó. Sau đó, GV dùng kĩ thuật khăn trải bàn để mỗi HS trình bày ý kiến của mình rồi tiến hành trao đổi, thống nhất ý kiến của nhóm.

Gợi ý trả lời:

Nhan đề *Chuyến du hành về thế giới tuổi thơ*: vừa thể hiện được nội dung chính của VB: hồi ức về tuổi thơ, vừa thể hiện ý kiến của người viết bài giới thiệu sách: cuốn sách đưa người đọc trở về với thế giới tuổi thơ.

Câu 6: GV nhắc HS xem lại sơ đồ cấu trúc VB (câu 1) và cho nhóm đôi HS điền vào sơ đồ sau:



Gợi ý trả lời: Mục đích viết của VB là giới thiệu cho bạn đọc nội dung và cảm nhận của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, từ đó, khuyến khích bạn đọc tìm đọc tác phẩm này. Bố cục của VB gồm sa-pô và ba phần đã thể hiện rõ đặc điểm của kiểu VB thông tin giới thiệu một cuốn sách. VB sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, bao gồm: thuyết minh, biểu cảm, tự sự, nghị luận đã góp phần thực hiện mục đích ấy, cụ thể như sau:

- Thuyết minh: giới thiệu các thông tin về tên sách, tác giả, nhân vật chính của câu chuyện.
- Tự sự: kể lại một số sự kiện chính.
- Biểu cảm: bộc lộ cảm nhận của người viết về cuốn sách.
- Nghị luận: nhận xét, đánh giá về cuốn sách.

Câu 7: Đây là một câu hỏi yêu cầu năng lực sáng tạo, khả năng vận dụng kĩ năng tin học, vì thế, GV nên giao nhiệm vụ theo nhóm để HS thực hiện ở nhà. HS có thể lựa chọn cách thiết kế áp phích bằng máy tính hoặc bằng tay. Trước khi HS vẽ áp phích, GV nên thảo luận, thống nhất với các em về yêu cầu/ bảng kiểm đối với áp phích (tham khảo bảng kiểm sau):

Bảng kiểm áp phích giới thiệu sách

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Hình thức	Diễn đạt ngắn gọn.		
	Kết hợp kênh chữ, kênh hình phù hợp.		
	Màu sắc hài hoà, thông tin chính được thể hiện nổi bật.		

Nội dung	Giới thiệu ngắn gọn thông tin chính về cuốn sách: tên tác giả, tên tác phẩm, tên nhà xuất bản, năm xuất bản.		
	Giới thiệu ngắn gọn nội dung tác phẩm.		
	Kết hợp thể hiện cảm xúc, ý kiến nhận xét về tác phẩm khi giới thiệu.		
Chất liệu	Khổ giấy A0.		
	Giấy cứng.		

VĂN BẢN 2: “MẸ VẮNG NHÀ” – BỘ PHIM TUYỆT ĐẸP VỀ NHỮNG ĐỨA TRẺ THỜI CHIẾN TRANH

1. Yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi Suy ngẫm và phản hồi

Mối quan hệ giữa *Yêu cầu cần đạt* và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.	Câu 1, 3
Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.	Câu 2
Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể.	Câu 4
Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại.	Câu 5

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Hướng dẫn HS chia sẻ những trải nghiệm của mình về một bộ phim thiếu nhi mà em yêu thích nhất. GV không nhận xét đúng sai về câu trả lời của HS mà dựa vào đó để dẫn dắt vào bài học. GV có thể chia sẻ ấn tượng sâu đậm của mình về một bộ phim nào đó để làm mẫu hoạt động này cho HS.

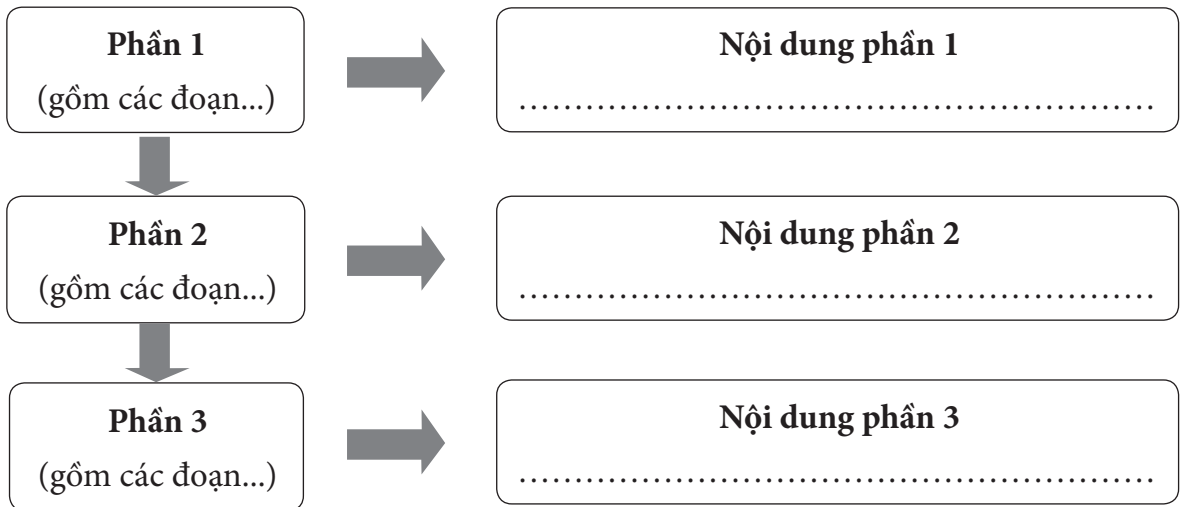
2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Khi tổ chức đọc hiểu VB trên lớp, GV nhắc HS trong quá trình nghe GV đọc, khi đến đoạn 2 và đoạn 7 thì tạm ngừng để trả lời thẩm trong đầu hoặc ghi những suy luận của mình cho hai yêu cầu trong SGK vào vở.

Sau đó, GV yêu cầu một HS đọc to VB, các HS khác đọc thầm, tạm dừng ở hai yêu cầu trong SGK để ghi ra câu trả lời hoặc trả lời thẩm trong đầu.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi về văn bản

Câu 1: Hướng dẫn HS đọc lại VB, thảo luận nhóm, điền vào sơ đồ sau:



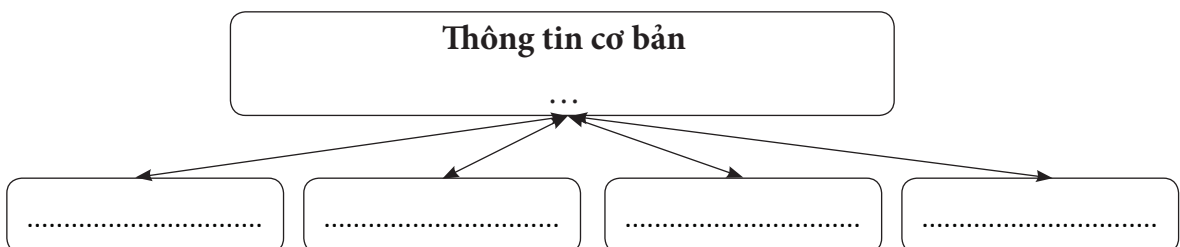
Gợi ý trả lời:

Phần 1 (đoạn 1, 2), nội dung: giới thiệu thông tin chung về bộ phim: tên phim, tên và thành tích của đạo diễn, giải thưởng mà bộ phim đạt được; nhận xét khái quát về bộ phim.

Phần 2 (đoạn 3, 4, 5, 6), nội dung: tóm tắt nội dung, nhận xét về những thành công về chỉ đạo nghệ thuật, góc quay, cảnh phim, diễn xuất của diễn viên,... trong bộ phim.

Phần 3 (đoạn 7), nội dung: khẳng định giá trị của bộ phim.

Câu 2: Trước tiên, GV gợi cho HS nhớ lại khái niệm thông tin cơ bản đã học ở lớp 7 (thông tin cơ bản là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ VB). Sau đó, GV hướng dẫn các nhóm đọc lại VB, điền thông tin vào sơ đồ khuyết như bên dưới và trình bày sản phẩm (kĩ thuật phòng tranh). Tham khảo sơ đồ sau:



Gợi ý trả lời:

– Thông tin cơ bản: bộ phim *Mẹ vắng nhà* – một bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh.

– Các chi tiết thể hiện thông tin cơ bản: (1) chi tiết về bộ phim được giải, về tác giả; (2) chi tiết về năm đứa con tự chăm sóc nhau khi mẹ vắng nhà; (3) chi tiết về chỉ đạo nghệ thuật, góc quay, cảnh phim, áp phích bộ phim; (4) chi tiết về diễn xuất của các diễn viên. *Lưu ý:* mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và các chi tiết là mối quan hệ hai chiều: thông tin cơ bản của VB được thể hiện qua các chi tiết và các chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản.

Câu 3: Hướng dẫn HS đọc lại định nghĩa về VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim (mục *Tri thức Ngữ văn*) kết hợp với việc sử dụng kỹ năng suy luận để rút ra mục đích của tác giả khi viết VB này.

Gợi ý trả lời: giới thiệu tài năng của đạo diễn và những nét đặc sắc của bộ phim về nội dung, diễn xuất, cảnh quay.

Câu 4: Yêu cầu HS quan sát áp phích bộ phim kết hợp với việc xem câu trả lời ở câu 2 và câu 3 để xác định tác dụng của việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (áp phích) của VB.

Gợi ý trả lời: Việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ ở VB này góp phần thể hiện rõ nội dung, tăng sức hấp dẫn, thu hút người đọc cho VB.

Câu 5: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà, theo các bước sau:

- Chia nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS.
- Cung cấp cho HS mẫu phiếu hỏi:

Phiếu phỏng vấn

Người được phỏng vấn	Giới tính		Xem video clip nhiều hơn	Xem phim nhiều hơn	Đọc sách nhiều hơn	Vì sao
	Nam	Nữ				
1. ...	✓				✓	
2. ...						
3. ...						
4. ...						
5. ...						
6. ...						

– Tiếp theo, hướng dẫn HS chọn ngẫu nhiên ba bạn nam và ba bạn nữ trong lớp, phỏng vấn các bạn dựa trên hai câu hỏi trong SGK và điền thông tin vào phiếu hỏi. Nhắc HS: với các cột 2, 3, 4, 5, 6: HS chỉ cần đánh dấu ✓ vào ô tương ứng. Với cột thứ 7, HS cần ghi câu trả lời của người được phỏng vấn, giải thích vì sao xem video clip, xem phim hoặc đọc sách nhiều hơn (câu b, SGK, tr. 51).

– Sau đó, GV hướng dẫn HS thống kê số bạn nam/ nữ chọn xem video clip/ phim/ đọc sách và thống kê những ý giống, khác nhau trong nội dung giải thích vì sao của các bạn.

– Sau khi HS làm xong bảng thống kê, hướng dẫn các em ghi một số nhận xét của nhóm về kết quả phỏng vấn. Ví dụ: Số bạn xem video clip là nhiều nhất, số bạn đọc sách là ít nhất. Điều này thể hiện sự hấp dẫn của video clip vì có âm thanh, hình ảnh, đồng thời thể hiện các bạn chưa hiểu rõ tầm quan trọng của việc đọc sách, vì đọc sách không chỉ cung cấp cho ta nhiều tri thức mà còn phát triển năng lực tưởng tượng của người đọc,...

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: *TÌNH YÊU SÁCH*

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.
- Liên hệ, kết nối với VB 1 và 2 để hiểu hơn về chủ điểm *Cánh cửa mở ra thế giới*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

GV có thể tổ chức cho HS đọc VB này trên lớp hoặc hướng dẫn HS tự đọc ở nhà và trình bày kết quả trên lớp.

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Tình yêu sách của nhân vật “tôi” được thể hiện qua việc làm mọi cách để được đọc sách: đọc ké sách của các anh lớn, giúp việc cho cô thủ thư để được đọc sách, mượn sách về nhà đọc suốt đêm.

Câu 2: Cô Uyên đã góp phần nuôi dưỡng tình yêu sách của nhân vật “tôi” bằng cách cho nhân vật “tôi” được làm thẻ thư viện dù chưa đủ tuổi, cho phép đi mua sách và đem về nhà đọc.

Câu 3: Chi tiết “Hình ảnh Giăng Van-giăng, Phăng-tin, Cô-dét, Ga-vơ-rốt cứ lừng lững đi lại, nói năng, buồn vui, đau khổ ngay trước mặt tôi kia” thể hiện khả năng tưởng tượng phong phú, lòng si mê với sách của nhân vật “tôi”.

Câu 4: Đây là câu hỏi mở, GV có thể hướng dẫn HS viết một lá thư ngắn gửi một người bạn để chia sẻ về một cuốn sách hoặc bộ phim đã giúp em mở rộng tầm hiểu biết về thiên nhiên hoặc con người. Sau đó, cho HS dán các lá thư lên bảng học tập hoặc công bố trong nhóm học tập của lớp trên mạng Internet.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV có thể dạy nội dung *Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng* bằng một trong những cách sau:

– Cách 1: tổ chức cho HS đọc nội dung *Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng* (SGK, tr. 45) và yêu cầu HS thực hiện một trong các hoạt động sau: xác định từ khoá hoặc vẽ sơ đồ tóm tắt nội dung, hoàn thành sơ đồ điền khuyết, xác định tên của thành phần biệt lập dựa vào một số thông tin miêu tả, gợi ý cho trước hoặc nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Sau đó, GV sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với trực quan (sơ đồ tóm tắt nội dung tri thức tiếng Việt) để giới thiệu với HS về thành phần biệt lập trong câu.

– Cách 2: lựa chọn và trình bày ngữ liệu có chứa thành phần biệt lập (có thể sử dụng ngữ liệu do SGK cung cấp), sau đó thiết kế câu hỏi/ nhiệm vụ học tập để hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu nhằm xác định đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập trong câu. GV có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý sau:

Ví dụ:

a. *Bên dưới con thác (và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường ống thuỷ tinh kèch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vực vào lòng sông.*

(Rô-a Đan, *Xưởng Sô-cô-la*)

b. *Hai bà cháu chợt nhận ra cô Gió, bà tươi tỉnh hẳn lên:*

– *Đào ơi, có gió rồi, con nghỉ tay đi. Ôi, cô Gió thật là tốt quá! Bà cứ tỉnh cả người.*

(Xuân Quỳnh, *Cô Gió mất tên*)

c. *Ôi, cô Gió thật là tốt quá!*

(Xuân Quỳnh, *Cô Gió mất tên*)

d. *Tàu Nau-ti-lơx **đường như** đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đây.*

(Giuyn Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới đáy biển*)

+ Xác định chức năng của những thành phần được in đậm trong các ví dụ trên.

+ Những thành phần nêu trên có ảnh hưởng đến nghĩa của sự việc được trình bày ở trong câu không? Vì sao?

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV hướng dẫn HS khái quát về đặc điểm, chức năng của một số thành phần biệt lập trong câu như: thành phần phụ chú, thành phần gọi – đáp, thành phần cảm thán, thành phần tình thái.

Lưu ý: Ở hoạt động tìm hiểu tri thức tiếng Việt này, GV chỉ nên tổ chức gọn gàng, tránh dành thời gian quá nhiều vì trong quá trình hướng dẫn HS thực hành các bài tập tiếng Việt, GV có thể thu thập thông tin để đánh giá về mức độ nhận biết, sử dụng tri thức của HS, trên cơ sở đó, GV củng cố các nội dung đã tìm hiểu ở phần *Tri thức Ngữ văn* liên quan đến tiếng Việt.

3. Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Hướng dẫn HS dựa trên định nghĩa về thành phần biệt lập (mục *Tri thức Ngữ văn*) để xác định thành phần biệt lập trong các trường hợp cho trước và chỉ ra chức năng của chúng.

a. Thành phần tình thái: *hình như*

Chức năng: thể hiện cách đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. Đây là tổ hợp biểu thị ý phỏng đoán một cách dè dặt, dựa trên những gì trực tiếp cảm thấy được.

b. Thành phần tình thái: *Bác Tai ơi*

Chức năng: dùng để gọi – đáp, tạo lập mối quan hệ giao tiếp.

c. Thành phần tình thái: *Ôi*

Chức năng: thể hiện cảm xúc của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu (biểu lộ sự xúc động mạnh mẽ trước điều bất ngờ).

Bài tập 2: Hướng dẫn HS dựa trên định nghĩa về thành phần phụ chú và ngữ cảnh của từng trường hợp để xác định thông tin mà thành phần phụ chú bổ sung.

GV có thể hướng dẫn HS tìm ra những dấu hiệu ngăn cách thành phần phụ chú với các thành phần khác trong câu: dấu gạch ngang, dấu phẩy, dấu ngoặc đơn,... hay nói cách khác, HS cần xác định được thành phần phụ chú tách biệt với các thành phần khác trong câu như thế nào.

a. GV lưu ý câu này có hai thành phần phụ chú:

– Thành phần phụ chú: *đích thị Bọ Dừa*

Chức năng: bổ sung thông tin cho “ông khách” (thông tin về tên của “ông khách” với lời khẳng định về độ chính xác của thông tin).

– Thành phần phụ chú: *cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai*

Chức năng: bổ sung thông tin cho toàn câu (việc ông khách – Bọ Dừa ngủ lại dưới vòm lá trúc là suy đoán của cụ giáo thông thái và những suy đoán của cụ giáo chẳng bao giờ sai).

b. Thành phần phụ chú: *vượt ra khỏi giới hạn không gian và thời gian*

Chức năng: bổ sung thông tin cho nội dung “sống mãi trong lòng người đọc”, làm rõ thêm thông tin về sức sống của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*.

c. Thành phần phụ chú: *gọt thủy tiên*

Chức năng: bổ sung thông tin về tên của “một trong những quy trình then chốt” khi gọt tía củ thủy tiên là “gọt thủy tiên”.

d. Thành phần phụ chú: *gọi là tâm điểm*

Chức năng: bổ sung thông tin về tên gọi của “một miếng vải đỏ hay một vật bất kì làm dấu”.

Bài tập 3: Trước tiên, GV nhắc HS đọc lại nội dung *Tri thức Ngữ văn* về thành phần gọi – đáp (SGK, tr. 45). Sau đó, GV hướng dẫn HS:

– Xác định thành phần gọi – đáp trong hai trường hợp.

– Dựa vào thành phần gọi – đáp, cho biết tính chất mối quan hệ giữa người nói và người nghe (quan hệ thân/ sơ, quan hệ người trên với người dưới hoặc ngang hàng,...)

Gợi ý trả lời:

a. Phần phụ tình thái dùng để gọi – đáp: *dạ*; thể hiện mối quan hệ giữa người dưới với người trên.

b. Phần phụ tình thái dùng để gọi – đáp:

+ *Chị ạ*: thể hiện mối quan hệ giữa người dưới (em) với người trên (chị).

+ *Ừ*: thể hiện mối quan hệ giữa người trên (chị) với người dưới (em).

Bài tập 4: GV có thể hướng dẫn HS thực hiện bài tập này theo thứ tự các bước sau:

– Chỉ ra thành phần tạo nên sự khác nhau về nghĩa giữa hai câu (a) và (b).

– Xác định tên gọi và chức năng của thành phần ấy trong câu.

– Xác định sự khác nhau về ý nghĩa giữa hai câu (a) và (b) do thành phần ấy tạo ra.

Gợi ý sự khác nhau về ý nghĩa giữa hai câu (a) và (b):

Chắc chắn: khẳng định dứt khoát là như thế, thể hiện mức độ tin cậy cao về sự việc được đề cập đến trong câu.

Có lẽ: biểu thị ý phỏng đoán hoặc khẳng định một cách dè dặt về điều nghĩ rằng có thể là như thế, thể hiện mức độ tin cậy thấp về sự việc được đề cập đến trong câu.

Bài tập 5: Mục đích của bài tập này là tạo cơ hội để HS vận dụng kiến thức về đặc điểm và tác dụng của thành phần biệt lập trong câu vào thực tế sử dụng ngôn ngữ (hình thức viết). Trước tiên, GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn; trên cơ sở đó, xác định các tiêu chí đánh giá đoạn văn. Sau đó, GV tổ chức cho HS làm bài và trao đổi, tự đánh giá sản phẩm học tập của nhau. Bài tập này có thể được thực hiện tại lớp hoặc về nhà tùy theo điều kiện thời gian thực tế.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: “TỐT-TÔ-CHAN BÊN CỬA SỔ”: KHI TRẺ CON LỚN LÊN TRONG TÌNH THƯƠNG

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.
- Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.
- Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể.

2. Thực hành đọc

GV tổ chức cho HS đọc VB này trên lớp hoặc tự đọc ở nhà, hoàn thành năm yêu cầu của mục *Hướng dẫn đọc*. Sau đó, GV cho HS chia sẻ phần nội dung đã làm của mình trên lớp. Qua đó, GV hướng dẫn HS những đặc điểm của kiểu VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim được thể hiện trong VB này.

Câu 1: GV hướng dẫn HS đọc lại mục *Cấu trúc VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim (Tri thức Ngữ văn)* để có cơ sở xác định các phần của VB và nội dung của từng phần.

Gợi ý trả lời:

- VB gồm đoạn sa-pô và ba phần: phần 1 (đoạn 1, đoạn 2); phần 2 (đoạn 3 – đoạn 8); phần 3 (hai đoạn cuối).
- Nội dung: Sa-pô: nêu sự phổ biến của tác phẩm qua số lượng phát hành và sự yêu thích của người đọc; phần 1: giới thiệu tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và tóm tắt nội dung cuốn sách, nêu ấn tượng của người viết về cuốn sách; phần 3: sự phổ biến của cuốn sách trên toàn thế giới và ý kiến của người viết về giá trị của cuốn sách.

Câu 2: GV yêu cầu HS đọc lại mục *Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp* (bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên*, Ngữ văn 8, tập một), trên cơ sở đó xác định cách triển khai thông tin của đoạn văn.

Gợi ý trả lời:

Đoạn văn được trình bày theo cách diễn dịch, trong đó, câu chủ đề là câu đầu tiên của đoạn: *Từ đây, hành trình đến trường của Tốt-tô-chan trở thành những ngày tháng thú vị, không còn bị mọi người chê trách như ở trường cũ*. Các câu còn lại bổ sung, làm rõ ý cho câu chủ đề.

Câu 3: Yêu cầu HS tự vẽ sơ đồ vì HS đã có kinh nghiệm từ việc điền vào sơ đồ khuyết ở câu 2 của VB 1 và 2.

Gợi ý trả lời:

– Thông tin cơ bản của VB: giới thiệu câu chuyện về cô bé Tốt-tô-chan và cách giáo dục ở ngôi trường Tô-mô; ý nghĩa nhân văn của cách giáo dục của thầy hiệu trưởng và ngôi trường này: giáo dục dựa trên tình yêu thương và tôn trọng trẻ.

– Thông tin ấy được thể hiện qua nhiều chi tiết, ví dụ: ngôi trường có các toa tàu, chi tiết giải thích thành ngữ “bên cửa sổ”, chi tiết thầy hiệu trưởng lắng nghe câu chuyện của Tốt-tô-chan, HS được tham gia nhiều hoạt động, HS không bị chê trách, la rầy, lời khen tặng của thầy hiệu trưởng cho Tốt-tô-chan, ảnh minh họa bìa sách,...

Lưu ý: cần nhắc HS khi vẽ sơ đồ, cần dùng mũi tên hai chiều để thể hiện mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và các chi tiết của VB.

Câu 4: Yêu cầu HS quan sát bìa sách và trả lời câu hỏi.

Gợi ý trả lời: Việc đưa hình ảnh bìa sách vào VB giúp HS cảm nhận được hình ảnh cô bé Tốt-tô-chan, tăng sức thu hút với người đọc.

Câu 5: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

Gợi ý trả lời: Tác giả viết VB này nhằm mục đích giới thiệu cuốn sách và lan toả ý nghĩa của phương pháp giáo dục trẻ em rất tiến bộ của thầy hiệu trưởng trường Tô-mô. Những đặc điểm của VB góp phần đạt được mục đích này là: (1) cấu trúc VB; (2) sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; (3) sự kết hợp giữa phương thức thuyết minh và tự sự.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

1. Yêu cầu cần đạt

Viết được bài văn giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

HS đã có hiểu biết về kiểu bài này qua việc đọc VB 1, 2 và VB *Đọc mở rộng theo thể loại*. Vì thế, khi dạy tri thức về kiểu bài, GV nên khơi gợi hiểu biết đã có của HS bằng kĩ thuật công não, KWL, kết hợp với giảng giải, nêu ví dụ từ VB 1 hoặc 2 để tiếp tục làm rõ đặc điểm của kiểu bài.

3. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

GV yêu cầu HS đọc thầm VB trong phần *Hướng dẫn phân tích kiểu VB*, chú ý đến những phần được đánh số và box thông tin tương ứng. Sau đó, GV cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB bên dưới. Sau đây là một số gợi ý trả lời:

Câu 1: Tác giả đã trình bày ấn tượng/ cảm nhận chung về cuốn sách bằng cách nêu câu hỏi cho người đọc, sau đó, dẫn dắt vào nội dung cuốn sách cần giới thiệu. Tác dụng: thu hút sự chú ý của người đọc, tạo sự tò mò cho họ.

Câu 2: Giá trị của cuốn sách là truyền đi thông điệp về tình yêu thương: chấp nhận sự khác biệt và đồng cảm với bản chất của con người ấy.

Câu 3: Theo người viết, giá trị lớn nhất của cuốn sách chính là gửi đến người đọc thông điệp về tình yêu thương, cách yêu thương và cách chấp nhận sự khác biệt.

Câu 4: Đây là câu hỏi mở, HS trình bày theo trải nghiệm cá nhân.

4. Viết theo quy trình

GV cho HS đọc phần *Hướng dẫn quy trình viết* trong SGK, sau đó thảo luận nhóm và điền thông tin vào bảng bên dưới:

Tìm hiểu quy trình viết *Bài văn kể lại một cuốn sách yêu thích*

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	Xác định đề tài ...	...
	Xác định mục đích, người đọc ...	...
	Thu thập tư liệu ...	...
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý ...	...
	Lập dàn ý ...	...
Bước 3: Viết bài	Thực hiện viết bài ...	...
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	Xem lại và chỉnh sửa ...	...
	Rút kinh nghiệm ...	...

Sau đó, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, lần lượt thực hiện các hướng dẫn trong bốn bước của quy trình viết.

Bước 1 và bước 2: cho các nhóm thực hiện ở nhà, cụ thể là:

- Xác định yêu cầu của kiểu bài, đối tượng người đọc, người chấm thi.
- Chọn cuốn sách cả nhóm yêu thích, tìm thông tin về cuốn sách.
- Điền thông tin vào phiếu tìm ý.
- Lập dàn ý theo sơ đồ.

Bước 3: có thể cho HS viết bài theo nhóm hoặc cá nhân dựa trên dàn ý đã lập. GV lưu ý HS tìm hiểu bảng kiểm trước và trong khi viết, cần thường xuyên đối chiếu với bảng kiểm để tự điều chỉnh trong quá trình viết bài.

Bước 4: cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm, đọc lại bài viết từ vai người đọc và rút ra những ưu điểm, hạn chế bằng cách trả lời hai câu hỏi (SGK, tr. 62); sau đó tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện bài viết.

Cuối cùng, khuyến khích HS làm thẻ *Cách viết bài văn giới thiệu sách* và dán lên bảng tin/ bảng học tập của lớp.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU VỀ MỘT CUỐN SÁCH

1. Yêu cầu cần đạt

Biết trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách.

2. Thực hành nói và nghe

Đây là bài học *Nói và nghe* có nội dung tích hợp với phần *Viết* trước đó, do vậy, GV nên lưu ý để kích hoạt, kết nối với tri thức nền của HS về kĩ năng viết kiểu bài giới thiệu một cuốn sách.

2.1. Khởi động

GV có thể kích hoạt hiểu biết nền của HS về hoạt động trình bày, giới thiệu về một cuốn sách xoay quanh những vấn đề như: tình huống, mục đích, nội dung, yêu cầu của một bài trình bày, giới thiệu sách hay; cách để trình bày, giới thiệu sách hấp dẫn,...

2.2. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói

GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói theo các hướng dẫn cụ thể của SGK như:

– **Bước 1: Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói.**

GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, PHT để tổ chức cho HS thực hiện.

– **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**

Ở bước này, ngoài những hướng dẫn cụ thể của SGK, GV cũng có thể hướng dẫn HS lập dàn ý bài nói từ dàn ý sẵn có của bài viết hoặc đọc lại bài viết, tóm tắt ý chính của bài viết. GV có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, kĩ thuật động não/ sơ đồ tư duy,... để hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý.

– **Bước 3: Luyện tập và trình bày**

Ở bước này, HS cần được hướng dẫn để xác định rõ một số nội dung cần chuẩn bị trước khi tiến hành luyện tập, trình bày:

+ Một số cách thức, kĩ thuật hỗ trợ việc trình bày, giới thiệu một cuốn sách trở nên lưu loát, trôi chảy.

+ Ý tưởng minh hoạ trực quan cho một số nội dung của bài trình bày, giới thiệu sách (*Minh hoạ cho nội dung gì? Minh hoạ bằng yếu tố nào? Trình bày phần minh hoạ bằng phương tiện gì/ cách thức ra sao?...*).

+ Cách thức sử dụng từ xưng hô (sao cho thể hiện được sự lịch sự, thân thiện, gần gũi và tôn trọng người nghe); ngữ điệu, cao độ, âm lượng, tốc độ (sao cho phù hợp với nội dung trình bày, tương tác và thu hút được sự chú ý); phương tiện phi ngôn ngữ (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,...).

+ Cách mở đầu, kết thúc hấp dẫn, gợi sự chú ý, suy nghĩ của người nghe (*Thế nào là một phần mở đầu hấp dẫn người nghe? Thế nào là một phần kết thúc tốt?...*).

+ Các vấn đề mà người nghe muốn trao đổi thêm về cuốn sách (*Người nghe có thể trao đổi thêm về vấn đề gì? Vấn đề nào của quyển sách thường gây tranh cãi ở người đọc? Nội dung phản hồi đối với những vấn đề ấy là gì?...*).

– **Bước 4: Trao đổi, đánh giá**

Ở bước này, GV nên hướng dẫn HS tìm hiểu trước các tiêu chí đánh giá một bài trình bày, giới thiệu sách hay. Trên cơ sở ấy, HS biết cách chuẩn bị bài trình bày sao cho đạt tiêu chí đã đặt ra. GV có thể thực hiện theo một số cách sau tùy theo năng lực của từng nhóm đối tượng HS:

+ GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để hỗ trợ HS xác định tiêu chí đánh giá trên cơ sở gợi mở về cấu trúc của một bài trình bày, nội dung cần có của từng phần trong cấu trúc (dựa trên những hiểu biết của HS về nội dung của kiểu bài viết giới thiệu một cuốn sách, nội dung của bước tìm ý và lập dàn ý bài nói).

+ GV có thể tạm phác thảo một số tiêu chí, sau đó yêu cầu HS trao đổi để xác định đồng ý hay không đồng ý với hệ thống các tiêu chí ấy và giải thích vì sao.

+ GV có thể yêu cầu HS đọc *Bảng kiểm kĩ năng viết bài giới thiệu một cuốn sách* (SGK, tr. 62) và trao đổi về những điều chưa rõ, cần được giải thích hoặc bổ sung.

Ở giai đoạn chuẩn bị bài nói, để hỗ trợ HS thực hiện tốt hơn bước 2 và bước 3, GV có thể tổ chức cho các em xem một video clip trình bày, giới thiệu sách và sử dụng

phương pháp dạy học, rèn luyện theo mẫu (mức độ phân tích mẫu) để hướng dẫn HS quan sát ưu điểm và hạn chế của bài trình bày tham khảo. Trên cơ sở đó, rút ra một số lưu ý về việc tìm ý, lập dàn ý, luyện tập và trình bày. Bài trình bày tham khảo này GV cũng có thể đăng tải trên lớp học ảo (lớp học trực tuyến) đi kèm với việc thiết kế nhiệm vụ học tập để HS tiến hành việc xem và phân tích ngữ liệu tham khảo.

2.3. Tổ chức cho học sinh thực hành nói và nghe, nói và nghe tương tác

Trước tiên, GV cần tổ chức cho HS luyện tập theo cá nhân (ở nhà) hoặc nhóm (ở lớp). Sau đó, GV chọn HS trình bày bài nói trước lớp (HS có thể xung phong hoặc trình bày theo chỉ định của GV).

Khi HS trình bày bài giới thiệu sách, GV đồng thời giao nhiệm vụ cho HS để thực hành rèn luyện kỹ năng nghe: HS nghe phần trình bày của bạn và đánh giá kết quả bài trình bày theo những tiêu chí đã thống nhất trước đó, cần chú ý kết hợp ghi chép minh chứng để làm căn cứ đánh giá, có thể nêu câu hỏi về những vấn đề cần trao đổi thêm. Để tạo hứng thú cho HS, GV có thể tổ chức một buổi hội thảo đọc, giới thiệu chia sẻ về tình yêu sách,... mà ở đó HS được tự do lựa chọn đọc và giới thiệu với các bạn về quyển sách mà mình đã đọc. Hoặc GV có thể thực hiện một dự án học tập với một số ý tưởng như tổ chức một buổi triển lãm, giới thiệu sách; chương trình truyền hình *Quyển sách tôi yêu/ Mỗi ngày một quyển sách*; hội chợ sách; buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ *Yêu sách*,...

Sau khi HS trình bày xong, GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nói – nghe tương tác bằng cách: xác định rõ vai và nhiệm vụ của người nói, người nghe ở hoạt động trao đổi về nội dung, cách thức trình bày; nhận xét, đánh giá lẫn nhau về việc trình bày, giới thiệu một cuốn sách.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự làm các bài tập trong mục *Ôn tập* trong SGK. Trên lớp học, GV tổ chức cho HS trình bày các bài tập đã làm.

Câu 1: GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi (ô chữ, rung chuông vàng, liên tưởng tài tình,...) theo nhóm/ cặp để xác định một số đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.

Câu 2: GV hướng dẫn HS xem lại kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập về các VB *Chuyến du hành về tuổi thơ*, *“Mẹ vắng nhà”* – Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh, *“Tốt-tô-chan bên cửa sổ”*: Khi trẻ con lớn lên trong tình thương để hoàn thành bằng tóm tắt ở nhà, sau đó, có thể cho HS trao đổi kết quả theo nhóm/ cặp để thống nhất nội dung trả lời ở lớp.

Câu 3: GV mời đại diện một số HS trình bày kết quả trả lớp theo gợi ý sau:

a. Thành phần tình thái: *trời ơi* → Chức năng: dùng để biểu lộ cảm xúc của người nói.

b. Thành phần phụ chú: *cuộc trò chuyện mở ra một khởi đầu mới cho mối quan hệ của chúng tôi* → Chức năng: bổ sung chi tiết cho thông tin “một cuộc trò chuyện thật đặc biệt”.

c. Thành phần tình thái: *nghe nói* → Chức năng: thể hiện sự đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Sau đó, hướng dẫn HS tóm tắt tri thức về một số thành phần biệt lập và chức năng của chúng ở trong câu.

Câu 4, 5: GV tổ chức cho HS trình bày nhanh gọn theo hình thức cá nhân hoặc nhóm một số bài học kinh nghiệm về việc viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim và kỹ năng trình bày, giới thiệu một cuốn sách. Một số kỹ thuật dạy học có thể sử dụng: XYZ, trả lời bằng thẻ,...

Câu 6: GV có thể yêu cầu cá nhân HS suy ngẫm vài phút, viết ngắn gọn trong vòng một phút câu trả lời vào thẻ. Sau đó, có thể cho HS dán/ dính thẻ lên bảng lớp. Hoạt động này giúp mỗi HS có cơ hội chiêm nghiệm lại ý nghĩa của việc đọc sách, chia sẻ suy nghĩ với các bạn để định hình mục đích đúng đắn đối với việc đọc sách.

PHẦN BA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ SÁCH BỔ TRỢ

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

1.1. Kết cấu sách giáo viên

Sách giáo viên *Ngữ văn 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* là tài liệu hướng dẫn cách tổ chức dạy học cho sách giáo khoa *Ngữ văn 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*. Sách gồm hai tập:

Tập một gồm hai phần: *Phần I: Những vấn đề chung*, *Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học*.

Trong *Phần I: Những vấn đề chung*, trình bày các cơ sở của việc biên soạn SGK (các nghị quyết, thông tư về đổi mới chương trình, SGK phổ thông của Quốc hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo); những điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 8*; cấu trúc sách và cấu trúc bài học.

Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học, từ bài 1 đến bài 5. Những hướng dẫn này là sự triển khai cụ thể của các phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học đã trình bày trong Phần I. Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm ba mục lớn: *Yêu cầu cần đạt*; *Phương pháp, phương tiện dạy học* và *Tổ chức các hoạt động học*.

Ở tập hai, sách trình bày *Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học*, từ bài 6 đến bài 10. Các hướng dẫn trong mỗi bài học tiếp tục thể hiện các phương pháp, kĩ thuật dạy học đã được thể hiện trong Phần I của tập một.

Ở mục *Yêu cầu cần đạt*, sách trình bày rõ những yêu cầu mà HS cần đạt sau khi học xong bài học. Những yêu cầu này được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực mà CTGDPT môn *Ngữ văn* và CTGDPT tổng thể 2018 đã xác định đối với HS lớp 8.

Ở mục *Phương pháp, phương tiện dạy học*, sách giới thiệu những phương pháp và phương tiện dạy học mà GV có thể sử dụng để dạy bài học.

Ở mục *Tổ chức các hoạt động học*, sách tập trung đề xuất cách tổ chức hoạt động dạy học cho các bài học (bài 1 đến bài 5 ở tập một và từ bài 6 đến bài 10 ở tập hai), từ cách giới thiệu bài mới đến cách hướng dẫn HS đọc, viết, nói nghe nhằm đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực. Mỗi hoạt động dạy học được tổ chức nhằm giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực chung cũng như năng lực chuyên biệt mà chương trình đã đặt ra.

1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV là nguồn tài liệu quan trọng giúp GV hiểu được các quan điểm dạy học hiện đại, tinh thần của SGK mới, các phương pháp, phương tiện dạy học và cách đánh giá năng lực HS, đồng thời là tài liệu hướng dẫn GV cách dạy các bài cụ thể. Tuy nhiên, GV cần có những điều chỉnh về cách dạy phù hợp với tình hình thực tế của lớp học, trình độ HS, điều kiện vật chất của trường.

2. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH BÀI TẬP

2.1. Cấu trúc sách

Sách bài tập gồm hai phần:

Phần 1: Bài tập

Phần 2: Hướng dẫn làm bài tập

Phần 1 trình bày các bài tập cho 10 bài học gắn với 10 thể loại đọc hiểu:

Tập một		Tập hai	
<i>Những gương mặt thân yêu</i>	THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ	<i>Tình yêu Tổ quốc</i>	THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ VÀ TƯ TUYỆT LUẬT ĐƯỜNG
<i>Những bí ẩn của thế giới tự nhiên</i>	VB THÔNG TIN	<i>Yêu thương và hi vọng</i>	TRUYỆN
<i>Sự sống thiêng liêng</i>	VB NGHỊ LUẬN	<i>Cánh cửa mở ra thế giới</i>	VB THÔNG TIN
<i>Sắc thái của tiếng cười</i>	TRUYỆN CƯỜI	<i>Âm vang của lịch sử</i>	TRUYỆN LỊCH SỬ
<i>Những tình huống hài hước</i>	HÀI KỊCH	<i>Cười mình, cười người</i>	THƠ TRÀO PHÚNG

Các bài tập trong cuốn sách này bám sát yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói – nghe mà CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đã đề ra đối với HS lớp 8, nhằm giúp HS rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VB, viết, nói và nghe theo các kiểu bài và thực hành tiếng Việt. Trình tự các bài tập được trình bày trong mỗi chủ điểm cũng tương thích với trình tự các chủ điểm trong SGK.

Các bài tập trong từng chủ điểm/ bài học được cấu trúc tương ứng với các hoạt động của từng chủ điểm/ bài học trong SGK.

Trong phần 2, sách đưa ra định hướng trả lời cho những câu hỏi khó để HS có thể tự kiểm tra mức độ đúng, sai cho các câu trả lời của bản thân.

2.2. Phân tích, hướng dẫn sử dụng sách bài tập, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa

Để sử dụng sách bài tập hiệu quả, GV chú ý:

– Mỗi chủ điểm/ bài học trong SGK gồm các hoạt động đọc, tiếng Việt, viết, nói – nghe và kéo dài trong khoảng ba tuần. Vì thế, sau khi HS học xong phần Đọc, GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập nằm trong phần này, tiếp theo, thực hiện các bài tập về Viết, Nói – nghe, sau khi hoàn thành các hoạt động này trên lớp.

– Với những bài tập khó, cho HS trao đổi trên lớp để cả lớp cùng giải quyết, qua đó, HS được học hỏi lẫn nhau, GV có cơ hội điều chỉnh kiến thức cho HS.

– Nhắc nhở HS tự làm bài tập, sau đó đối chiếu với các câu trả lời trong Phần 2, định hướng câu trả lời để kiểm tra mức độ đúng, sai của câu trả lời là tự điều chỉnh kiến thức của bản thân.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: BÍCH VÂN – THUYỀN TRANG

Thiết kế sách: XUÂN DƯƠNG

Trình bày bìa: MẠNH HÙNG

Sửa bản in: BÍCH VÂN – THUYỀN TRANG

Chế bản: Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 8 –**Bộ sách Chân trời sáng tạo****(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

Mã số:

Số ĐKXB:

Mã ISBN:

Số QĐXB : / QĐ-GD ngày tháng ... năm 202...

Inbản (QĐ in số :), khổ 19 x 26.5 cm

In tại:.....Địa chỉ:.....

Cơ sở in:.....Địa chỉ:.....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 202...